

CHÍNH PHỦ

Số: 56/2006/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 06 tháng 6 năm 2006

NGHỊ ĐỊNH
Về xử phạt vi phạm hành chính
trong hoạt động văn hoá - thông tin

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;
Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005;
Căn cứ Luật Báo chí ngày 28 tháng 12 năm 1989 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí ngày 12 tháng 6 năm 1999;
Căn cứ Luật Di sản văn hoá ngày 29 tháng 6 năm 2001;
Căn cứ Luật Xuất bản ngày 03 tháng 12 năm 2004;
Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005
Căn cứ Pháp lệnh Thư viện ngày 28 tháng 12 năm 2000;
Căn cứ Pháp lệnh Quảng cáo ngày 16 tháng 11 năm 2001;
Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;
Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin,

NGHỊ ĐỊNH :

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Vi phạm hành chính trong hoạt động văn hoá - thông tin là hành vi cố ý hoặc vô ý của tổ chức, cá nhân vi phạm quy tắc quản lý nhà nước trong các lĩnh vực văn hoá - thông tin mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự

và theo quy định của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định này thì phải bị xử phạt hành chính.

2. Vi phạm hành chính trong các lĩnh vực văn hoá - thông tin quy định trong Nghị định này bao gồm: Những hành vi vi phạm quy tắc quản lý nhà nước trong các hoạt động thông tin báo chí; hoạt động xuất bản; điện ảnh; các loại hình nghệ thuật biểu diễn; hoạt động văn hoá và kinh doanh dịch vụ văn hoá công cộng; mỹ thuật, triển lãm văn hoá, nghệ thuật, nhiếp ảnh; quyền tác giả tác phẩm văn học, nghệ thuật và quyền liên quan; quảng cáo, viết, đặt biển hiệu; di sản văn hoá; thư viện; công trình văn hoá, nghệ thuật; xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm văn hoá; công bố, phổ biến tác phẩm ra nước ngoài.

3. Vi phạm hành chính trong các hoạt động thông tin báo chí, xuất bản, điện ảnh, xuất khẩu văn hoá phẩm có nội dung tiết lộ bí mật nhà nước thì áp dụng theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam có hành vi vi phạm hành chính trong các lĩnh vực văn hoá - thông tin đều bị xử phạt theo quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan về xử phạt vi phạm hành chính.

2. Tổ chức, cá nhân nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong các lĩnh vực văn hoá - thông tin trên lãnh thổ Việt Nam bị xử phạt như đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam, trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác.

3. Người chưa thành niên có hành vi vi phạm hành chính trong các lĩnh vực văn hoá - thông tin bị xử phạt theo quy định tại Điều 7 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 3. Thời hiệu xử phạt

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực hoạt động thông tin báo chí; điện ảnh; các loại hình nghệ thuật biểu diễn; hoạt động văn hoá và kinh doanh dịch vụ văn hoá công cộng; mỹ thuật, triển lãm văn hoá, nghệ thuật, nhiếp ảnh; quảng cáo, viết, đặt biển hiệu; di sản văn hoá, thư viện là một năm, kể từ ngày vi phạm hành chính được thực hiện.

2. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực hoạt động xuất bản, xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm văn hoá, bản quyền tác giả là hai năm kể từ ngày vi phạm hành chính được thực hiện.

3. Trường hợp quá thời hiệu quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này thì không xử phạt nhưng có thể áp dụng các biện pháp quy định tại các điểm a, c và d khoản 3 Điều 12 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

4. Cá nhân bị khởi tố, truy tố hoặc có quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục tố tụng hình sự nhưng sau đó có quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án thì bị xử phạt hành chính nếu hành vi có dấu hiệu vi phạm hành chính; thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là 03 tháng, kể từ ngày người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính nhận được quyết định đình chỉ và hồ sơ vụ vi phạm.

5. Trong thời hạn được quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này, nếu tổ chức, cá nhân có vi phạm hành chính mới hoặc cố tình trốn tránh, cản trở việc xử phạt thì không áp dụng thời hiệu quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được tính lại kể từ thời điểm thực hiện vi phạm hành chính mới hoặc thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, cản trở việc xử phạt.

Điều 4. Nguyên tắc xử phạt

1. Tổ chức, cá nhân chỉ bị xử phạt hành chính khi có hành vi vi phạm hành chính do pháp luật quy định. Khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính thì người có thẩm quyền xử phạt phải ra lệnh đình chỉ ngay hành vi vi phạm. Việc xử phạt vi phạm hành chính phải được tiến hành nhanh chóng, công minh, triệt để theo đúng pháp luật. Mọi hậu quả do vi phạm hành chính gây ra phải được khắc phục theo đúng pháp luật.

2. Một hành vi vi phạm hành chính chỉ bị xử phạt một lần; một người thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính thì bị xử phạt về từng hành vi vi phạm; nhiều người cùng thực hiện một hành vi vi phạm hành chính thì mỗi người vi phạm đều bị xử phạt.

3. Việc xử phạt vi phạm hành chính phải căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm, nhân thân người vi phạm và những tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng để quyết định hình thức xử phạt chính, hình thức xử phạt bổ sung và các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Nghị định này.

4. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hoá - thông tin phải xử phạt đúng thẩm quyền; đối với những vi phạm vượt quá thẩm quyền xử phạt, những vi phạm có dấu hiệu tội phạm thì cơ quan, người thụ lý phải lập biên bản, chuyển giao biên bản, các tài liệu có liên quan khác và tang vật, phương tiện vi phạm đến cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính hoặc cơ quan xử lý hình sự có thẩm quyền giải quyết.

5. Không xử phạt vi phạm hành chính trong các trường hợp thuộc tình thế cấp thiết, sự kiện bất ngờ hoặc vi phạm hành chính trong tình trạng đang mắc bệnh tâm thần hoặc các bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình.

Điều 5. Áp dụng các hình thức xử phạt hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả

1. Khi xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hoá - thông tin, người có thẩm quyền xử phạt chỉ được áp dụng những hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả được quy định đối với hành vi đó theo quy định của pháp luật.

2. Khi áp dụng hình thức phạt tiền, mức tiền phạt cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính là mức trung bình của khung tiền phạt quy định đối với hành vi đó; nếu vi phạm có tình tiết giảm nhẹ thì mức tiền phạt có thể giảm xuống thấp hơn mức trung bình nhưng không được giảm quá mức tối thiểu của khung tiền phạt; nếu vi phạm có tình tiết tăng nặng thì mức tiền phạt có thể tăng lên cao hơn mức trung bình nhưng không được vượt quá mức tối đa của khung tiền phạt.

Tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng được áp dụng theo quy định tại các Điều 8 và 9 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

3. Các hình thức xử phạt bổ sung và các biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại Nghị định này chỉ được áp dụng kèm theo hình thức xử phạt chính nhằm xử lý triệt để vi phạm, loại trừ nguyên nhân, điều kiện tái phạm và khắc phục mọi hậu quả do vi phạm hành chính gây ra.

Chương II

HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG HOẠT ĐỘNG VĂN HOÁ - THÔNG TIN, HÌNH THỨC VÀ MỨC PHẠT

Mục 1

HÀNH VI VI PHẠM TRONG LĨNH VỰC THÔNG TIN BÁO CHÍ, HÌNH THỨC VÀ MỨC PHẠT

Điều 6. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực thông tin báo chí

Hành vi vi phạm trong lĩnh vực thông tin báo chí bao gồm các hành vi vi phạm các quy định trong hoạt động báo chí (báo in, báo nói, báo hình, báo điện tử), hoạt động truyền hình trả tiền, hoạt động xuất bản đặc san, bản tin, tài liệu, tờ rơi, phát hành thông cáo báo chí, đăng phát bản tin trên màn hình điện tử, hoạt động cung cấp thông tin, thiết lập trang tin điện tử trên Internet và các hoạt động liên quan đến việc thu chương trình truyền hình trực tiếp từ vệ tinh (TVRO).

Điều 7. Vi phạm các quy định về giấy phép hoạt động thông tin báo chí

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

- a) Sửa chữa, tẩy xóa giấy phép;
- b) Thực hiện không đúng quy định ghi trong giấy phép;
- c) Thay đổi trụ sở cơ quan báo chí mà không thông báo với cơ quan quản lý nhà nước về báo chí.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi xuất bản bản tin, tài liệu, tờ rơi mà không có giấy phép.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Phát hành thông cáo báo chí, đăng phát bản tin trên màn hình điện tử, thiết lập trang tin điện tử trên Internet, lắp đặt TVRO mà không có giấy phép theo quy định;

b) Xuất bản đặc san, số phụ, số chuyên đề, mở thêm kênh, tăng trang, thêm chương trình mà không có giấy phép;

c) Cung cấp dịch vụ thông tin Internet mà không có giấy phép.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi xuất bản báo in, báo điện tử, phát sóng phát thanh, truyền hình mà không có giấy phép hoạt động báo chí theo quy định.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép từ 90 ngày đến 180 ngày đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 3 và khoản 4 Điều này.

Điều 8. Vi phạm các quy định về trình bày sản phẩm thông tin báo chí

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

- a) Không ghi đủ hoặc không ghi đúng những quy định về trình bày;
- b) Trình bày trang 1, bìa 1 của báo, tạp chí, đặc san, bản tin, tài liệu, tờ rơi không phù hợp với nội dung của sản phẩm thông tin báo chí;

c) Minh họa, rút tít không phù hợp nội dung thông tin, làm cho người đọc hiểu sai nội dung thông tin.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu sản phẩm thông tin báo chí đối với hành vi quy định tại các điểm b và c khoản 1 Điều này trong trường hợp gây hậu quả nghiêm trọng.

Điều 9. Vi phạm các quy định về cải chính trên báo chí

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Thực hiện cải chính không đúng các quy định về vị trí, diện tích, thời lượng, cỡ chữ;

b) Thực hiện không đúng các quy định về đăng lời phát biểu của tổ chức, cá nhân có liên quan đến tác phẩm báo chí.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi cải chính không đúng thời gian quy định.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không cải chính theo quy định;

b) Không đăng, phát sóng kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về nội dung thông tin trên báo sai sự thật.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc cải chính đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 3 Điều này;

b) Buộc đăng, phát sóng đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.

Điều 10. Vi phạm các quy định về nội dung thông tin

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Tiết lộ bí mật đời tư khi chưa được sự đồng ý của người đó hoặc thân nhân của người đó trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

b) Công bố tài liệu, thư riêng của cá nhân khi chưa được sự đồng ý của chủ sở hữu hợp pháp tài liệu, bức thư đó trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

c) Đăng, phát ảnh của cá nhân mà không được sự đồng ý của người đó hoặc thân nhân người đó, trừ các trường hợp tìm thân nhân của nạn nhân, ảnh

của người đã bị khởi tố hình sự hoặc đang chấp hành hình phạt tù giam, ảnh hưởng tin về các hoạt động tập thể;

d) Không thực hiện việc báo cáo, giải trình nội dung thông tin với cơ quan quản lý nhà nước về báo chí hoặc báo cáo, giải trình không đúng thời hạn quy định.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

- a) Thông tin sai sự thật gây ảnh hưởng xấu nhưng chưa nghiêm trọng;
- b) Thông tin về những chuyện thần bí mà không có chú dẫn xuất xứ tư liệu.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

- a) Miêu tả tở mĩ những hành động dâm ô, chém giết rùng rợn trong các tin, bài viết, hình ảnh;
- b) Đăng, phát tranh, ảnh kích dâm, khoả thân, hở thân thiếu thẩm mỹ, không phù hợp với thuần phong mỹ tục Việt Nam;
- c) Truyền bá hủ tục, mê tín, dị đoan.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi thông tin sai sự thật gây ảnh hưởng nghiêm trọng.

5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

- a) Đăng, phát nội dung không được phép thông tin nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;
- b) Đăng, phát lại các tác phẩm đã có quyết định cấm lưu hành hoặc tịch thu.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu sản phẩm thông tin báo chí, tang vật và phương tiện vi phạm đối với hành vi quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng thẻ nhà báo không thời hạn đối với nhà báo thực hiện hành vi quy định tại khoản 4 Điều này;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép từ 90 ngày đến 180 ngày đối với hành vi quy định tại khoản 5 Điều này.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc cải chính, xin lỗi đối với hành vi quy định tại các khoản 1, 2 và 4 Điều này.

Điều 11. Vi phạm các quy định về cung cấp thông tin cho báo chí và sử dụng thông tin của cơ quan báo chí

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định về quyền cung cấp thông tin cho báo chí của tổ chức, công dân được quy định tại khoản 2 Điều 4 và Điều 7 Luật Báo chí.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Cơ quan báo chí tự ý thêm bớt, cắt xén hoặc thể hiện sai ý của người trả lời phỏng vấn trên báo chí;

b) Cơ quan báo chí, nhà báo không thực hiện yêu cầu xem lại nội dung trả lời phỏng vấn của người trả lời phỏng vấn trước khi đăng, phát nội dung trả lời phỏng vấn trên báo chí;

c) Cơ quan báo chí thêm, bớt, cắt xén làm sai nội dung văn bản kết luận về các vụ, việc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi đăng, phát trên báo chí.

Điều 12. Vi phạm các quy định về sử dụng thẻ nhà báo, hoạt động nghề nghiệp của nhà báo

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Cho người khác mượn thẻ nhà báo để hoạt động;

b) Sử dụng thẻ nhà báo của người khác để hoạt động;

c) Sử dụng thẻ nhà báo không đúng nhiệm vụ được giao.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành vi lợi dụng tư cách nhà báo để can thiệp trái pháp luật hoặc cản trở hoạt động đúng pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Xúc phạm danh dự, nhân phẩm của nhà báo, cản trở nhà báo hoạt động nghề nghiệp đúng pháp luật;

b) Huỷ hoại phương tiện hoạt động báo chí của nhà báo.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi đe dọa, uy hiếp tính mạng nhà báo.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng thẻ nhà báo không thời hạn đối với hành vi quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 13. Vi phạm các quy định về hợp báo

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi hợp báo mà không thông báo trước bằng văn bản hoặc thông báo không đúng quy định về hợp báo đến cơ quan quản lý nhà nước về báo chí.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi hợp báo có nội dung vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 10 Luật Báo chí.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Tổ chức hợp báo mà không được cơ quan quản lý nhà nước về báo chí chấp nhận hoặc đã có lệnh đình chỉ;

b) Hợp báo có nội dung vi phạm quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 10 Luật Báo chí.

Điều 14. Vi phạm các quy định về lưu chiếu sản phẩm thông tin báo chí

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với hành vi nộp lưu chiếu sản phẩm thông tin báo chí không đúng địa điểm, không đúng thời gian, không đúng số lượng, không đúng thủ tục theo quy định.

2. Phạt tiền từ 1.500.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không nộp lưu chiểu sản phẩm thông tin báo chí.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc phải nộp lưu chiểu sản phẩm thông tin báo chí theo đúng quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này.

Điều 15. Vi phạm các quy định về phát hành sản phẩm thông tin báo chí

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi không ghi giá bán trên sản phẩm thông tin báo chí.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi cản trở việc phát hành sản phẩm thông tin báo chí hợp pháp hoặc bán sản phẩm báo chí nhập khẩu trái phép.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi phát hành các sản phẩm thông tin báo chí không có giấy phép xuất bản.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi phát hành các sản phẩm thông tin báo chí không được phép lưu hành hoặc đã có quyết định thu hồi, tịch thu, cấm lưu hành.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật và phương tiện vi phạm đối với hành vi quy định tại các khoản 3 và 4 Điều này.

Điều 16. Vi phạm các quy định về đăng ký cung cấp bộ giải mã chương trình truyền hình nước ngoài, đăng ký phân phối các bộ giải mã chương trình truyền hình nước ngoài, đăng ký cho các cơ quan, tổ chức kinh doanh việc lắp đặt, sửa chữa các thiết bị thu tín hiệu truyền hình trực tiếp từ vệ tinh

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Sửa chữa, tẩy xóa giấy chứng nhận đăng ký;

b) Thực hiện không đúng quy định ghi trong giấy chứng nhận đăng ký và các quy định khác của pháp luật về hoạt động liên quan đến thu chương trình truyền hình từ vệ tinh;

c) Kinh doanh thiết bị thu tín hiệu truyền hình trực tiếp từ vệ tinh nhập khẩu trái phép.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện các hoạt động cung cấp, phân phối bộ giải mã chương trình truyền hình nước ngoài, kinh doanh lắp đặt, sửa chữa các thiết bị thu tín hiệu truyền hình trực tiếp từ vệ tinh mà chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đăng ký không thời hạn đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm đối với hành vi quy định tại điểm c khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 17. Vi phạm các quy định về truy nhập, quản lý và cung cấp thông tin trên mạng thông tin máy tính (Internet)

1. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Truy nhập thông tin, hình ảnh có nội dung độc hại trên mạng thông tin máy tính;

b) Không niêm yết nội quy hoạt động tại các đại lý Internet.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi để cho khách hàng truy nhập thông tin có nội dung độc hại trên mạng thông tin máy tính.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Phát tán thông tin, hình ảnh có nội dung độc hại từ mạng thông tin máy tính ra ngoài;

b) Đưa vào mạng thông tin máy tính thông tin, hình ảnh có nội dung độc hại nhưng hậu quả chưa nghiêm trọng;

c) Đưa vào mạng thông tin máy tính xuất bản phẩm thuộc loại chưa được phép lưu hành;

d) Lưu giữ thông tin, hình ảnh có nội dung độc hại trong máy tính tại các đại lý Internet.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi đưa vào mạng thông tin máy tính thông tin, hình ảnh có nội dung độc hại gây hậu quả nghiêm trọng.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại điểm a và d khoản 3, khoản 4 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép từ 90 ngày đến 180 ngày đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 3 và khoản 4 Điều này.

Mục 2

HÀNH VI VI PHẠM TRONG LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XUẤT BẢN, HÌNH THỨC VÀ MỨC PHẠT

Điều 18. Vi phạm các quy định về trình bày, minh họa xuất bản phẩm

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Ghi không đủ hoặc không đúng những thông tin phải ghi trên xuất bản phẩm;

b) Trình bày bìa hoặc minh họa xuất bản phẩm không phù hợp với nội dung của xuất bản phẩm.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 1 Điều này nếu gây hậu quả nghiêm trọng.

Điều 19. Vi phạm các quy định về tàng trữ, phát hành xuất bản phẩm

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Cản trở việc phát hành xuất bản phẩm hợp pháp;

b) Bán các loại sách, tranh, ảnh, lịch hoặc cho thuê các loại sách được xuất bản hoặc nhập khẩu trái phép;

c) Bán sách, tranh, ảnh, lịch có nội dung tuyên truyền mê tín, hủ tục;

d) Tàng trữ trái phép xuất bản phẩm in, sao lậu từ 50 bản đến dưới 200 bản.

2. Phạt tiền từ trên 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

- a) Bán xuất bản phẩm thuộc loại không kinh doanh hoặc lưu hành nội bộ;
- b) Tàng trữ trái phép xuất bản phẩm in, sao lậu từ 200 bản đến dưới 500 bản;
- c) Bán sách, tranh, ảnh, lịch hoặc cho thuê sách có nội dung tuyên truyền lối sống đồi trụy, khiêu dâm, kích động bạo lực.

3. Phạt tiền từ trên 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

- a) Phát hành hoặc tàng trữ nhằm mục đích lưu hành xuất bản phẩm thuộc loại không được phép lưu hành hoặc đã có quyết định thu hồi, tịch thu;
- b) Bán sách, tranh, ảnh, lịch hoặc cho thuê sách đã có quyết định thu hồi, tịch thu, cấm lưu hành;
- c) Tàng trữ trái phép xuất bản phẩm in, sao lậu từ 500 bản trở lên;
- d) Tiêu thụ, phổ biến xuất bản phẩm in gia công cho nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam;
- đ) Tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm mà không có giấy phép hoặc không đúng nội dung được phép.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại các điểm b, c và d khoản 1, các điểm b và c khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 20. Vi phạm các quy định về giấy phép hoạt động xuất bản

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

- a) Nhà xuất bản thay đổi trụ sở mà không thông báo bằng văn bản với cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản;
- b) Sửa chữa, tẩy xóa giấy phép hoạt động xuất bản hoặc quyết định xuất bản.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

- a) Thực hiện không đúng nội dung ghi trong giấy phép hoạt động xuất bản;
- b) Chuyển nhượng giấy phép hoạt động xuất bản dưới bất kỳ hình thức nào;
- c) Xuất bản xuất bản phẩm không phù hợp với tôn chỉ, mục đích của nhà xuất bản;

d) Nhập khẩu không đúng tên xuất bản phẩm trong danh mục đăng ký nhập khẩu.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Xuất bản xuất bản phẩm mà không đăng ký kế hoạch xuất bản;

b) Xuất bản xuất bản phẩm không có quyết định xuất bản của giám đốc nhà xuất bản;

c) Xuất bản xuất bản phẩm không có giấy phép xuất bản của cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản;

d) Xuất bản sách thuộc loại phải thẩm định mà không tổ chức thẩm định;

đ) Nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh mà không có giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm;

e) Nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh mà không đăng ký kế hoạch nhập khẩu với cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản;

g) Không thực hiện đúng quy định về liên kết trong lĩnh vực xuất bản tại Điều 20 Luật Xuất bản.

4. Phạt tiền 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Thành lập nhà xuất bản mà không được phép của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

b) Đặt văn phòng đại diện của nhà xuất bản, tổ chức phát hành nước ngoài ở Việt Nam mà không có giấy phép hoặc hoạt động không đúng nội dung được ghi trong giấy phép.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại các khoản 2 và 3 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

Điều 21. Vi phạm các quy định cấm đối với nội dung xuất bản phẩm

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Xuất bản xuất bản phẩm có nội dung xúc phạm danh dự, nhân phẩm hoặc tiết lộ bí mật đời tư của cá nhân mà không được sự đồng ý của người đó hoặc của thân nhân người đó, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

b) Xuất bản xuất bản phẩm có nội dung sai sự thật;

c) Xuất bản bản đồ thể hiện sai địa giới hành chính các cấp.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Xuất bản bản đồ thể hiện sai chủ quyền quốc gia;

b) Xuất bản xuất bản phẩm có nội dung truyền bá lối sống dâm ô, đồi trụy, hành vi tội ác, tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan, phá hoại thuần phong mỹ tục.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Xuất bản xuất bản phẩm có nội dung vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 10 Luật Xuất bản;

b) Xuất bản xuất bản phẩm có nội dung tuyên truyền, kích động chiến tranh xâm lược, gây hận thù giữa các dân tộc và nhân dân các nước; kích động bạo lực; truyền bá tư tưởng phản động;

c) Xuất bản xuất bản phẩm có nội dung tiết lộ bí mật của Đảng, Nhà nước, bí mật quân sự, an ninh, kinh tế, đối ngoại và bí mật khác do pháp luật quy định;

d) Xuất bản xuất bản phẩm có nội dung xuyên tạc sự thật lịch sử; phủ nhận thành tựu cánh mạng; xúc phạm dân tộc, vĩ nhân, anh hùng dân tộc; vu khống, xúc phạm uy tín của cơ quan, tổ chức.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại điểm c khoản 1, các khoản 2 và 3 Điều này.

Điều 22. Vi phạm các quy định về hoạt động in

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không đăng ký thiết bị in theo quy định của pháp luật;

b) Photocopy, nhân bản báo chí, xuất bản phẩm thuộc loại cấm lưu hành.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Thực hiện không đúng nội dung ghi trong giấy phép hoạt động in;

b) Chuyển nhượng giấy phép hoạt động in dưới bất kỳ hình thức nào;

c) Sửa chữa, tẩy xóa giấy phép hoạt động in;

d) Cơ sở hoạt động in, nhân bản khi phát hiện nội dung sản phẩm đặt in, nhân bản vi phạm Điều 10 Luật Xuất bản mà không báo cáo ngay với cơ quan quản lý nhà nước về xuất bản.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi in xuất bản phẩm vượt quá số lượng ghi trong hợp đồng từ 50 bản đến dưới 500 bản.

4. Phạt tiền từ trên 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) In, nhân bản xuất bản phẩm không đủ thủ tục hoặc không có hợp đồng theo quy định;

b) In xuất bản phẩm vượt quá số lượng ghi trong hợp đồng từ 500 bản đến dưới 1.000 bản.

5. Phạt tiền từ trên 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) In, nhân bản báo chí, xuất bản phẩm đã có quyết định thu hồi, tịch thu, cấm lưu hành, tiêu hủy, hoặc có nội dung vi phạm quy định tại Điều 10 Luật Xuất bản;

b) Cơ sở hoạt động in xuất bản phẩm theo quy định phải có giấy phép mà không có giấy phép;

c) In xuất bản phẩm vượt quá số lượng ghi trong hợp đồng từ 1.000 bản trở lên;

d) Nhập khẩu máy photocopy màu mà không có giấy phép nhập khẩu;

đ) In các sản phẩm mà pháp luật cấm lưu hành tại Việt Nam, trừ trường hợp được phép in gia công cho nước ngoài.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép từ 90 ngày đến 180 ngày đối với hành vi quy định tại các điểm b và c khoản 2, điểm a khoản 5 Điều này;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 1, điểm a khoản 4, điểm a, d và đ khoản 5 Điều này.

Điều 23. Vi phạm các quy định về lưu chiếu xuất bản phẩm

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi nộp lưu chiếu xuất bản phẩm không đủ số lượng theo quy định.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi không nộp lưu chiểu xuất bản phẩm theo quy định hoặc nộp lưu chiểu chưa hết thời hạn 10 ngày đã phát hành.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc phải nộp lưu chiểu xuất bản phẩm theo quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này.

Mục 3 **HÀNH VI VI PHẠM TRONG LĨNH VỰC ĐIỆN ẢNH,** **HÌNH THỨC VÀ MỨC PHẠT**

Điều 24. Vi phạm các quy định về sản xuất phim nhựa, phim video

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Quay phim ở những khu vực có biển cấm quay phim hoặc có nội dung cấm quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 48/CP ngày 17 tháng 7 năm 1995 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động điện ảnh;

b) Sản xuất phim nhựa, phim video có nội dung tiết lộ bí mật đời tư của người khác mà không được người đó cho phép;

c) Thực hiện không đúng nội dung ghi trong giấy phép sản xuất phim nhựa, phim video đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài sản xuất phim tại Việt Nam;

d) Sửa chữa, tẩy xóa, chuyển nhượng giấy phép sản xuất phim nhựa, phim video đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài được cấp giấy phép sản xuất phim tại Việt Nam.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Cung cấp dịch vụ làm phim cho nước ngoài hoặc hợp tác làm phim với nước ngoài không đúng nội dung quy định trong giấy phép;

b) Sản xuất phim nhựa, phim video có nội dung vu khống, xúc phạm uy tín của tổ chức, danh dự và nhân phẩm của cá nhân.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Sản xuất phim nhựa, phim video có nội dung khiêu dâm, kích động bạo lực, khuyến khích tệ nạn xã hội, hành vi tội ác, mê tín dị đoan, ảnh hưởng đến thuần phong mỹ tục và môi trường sinh thái;

b) Hoạt động dịch vụ, hợp tác làm phim với nước ngoài mà không có giấy phép.

4. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Sản xuất phim nhựa, phim video có nội dung chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; phá hoại khối đoàn kết toàn dân;

b) Sản xuất phim nhựa, phim video có nội dung đòi trụ, tuyên truyền chiến tranh xâm lược, chia rẽ giữa các dân tộc và nhân dân các nước, thể hiện tư tưởng, văn hoá phản động, các hành vi tội ác;

c) Sản xuất phim nhựa, phim video có nội dung xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng, xúc phạm vĩ nhân, anh hùng dân tộc;

d) Tổ chức, cá nhân nước ngoài sản xuất phim tại Việt Nam mà không có giấy phép.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép không thời hạn đối với hành vi quy định tại điểm d khoản 1, điểm a khoản 2 Điều này;

b) Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại các khoản 1, 2, 3, và 4 Điều này;

c) Tịch thu phương tiện vi phạm đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 3 và khoản 4 Điều này.

Điều 25. Vi phạm các quy định về in, nhân bản, tàng trữ phim nhựa, băng đĩa phim

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với hành vi tàng trữ trái phép phim nhựa, băng đĩa phim thuộc loại in, nhân bản lậu với số lượng từ 5 bản đến dưới 50 bản.

2. Phạt tiền từ trên 1.500.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi tàng trữ trái phép phim nhựa, băng đĩa phim thuộc loại in, nhân bản lậu với số lượng từ 50 bản đến dưới 100 bản.

3. Phạt tiền từ trên 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Nhân bản phim nhựa, băng đĩa phim chưa được phép lưu hành với số lượng dưới 20 bản;

b) Tàng trữ trái phép phim nhựa, băng đĩa phim thuộc loại in, nhân bản lậu với số lượng từ 100 bản đến dưới 500 bản;

c) Tàng trữ nhằm lưu hành hình ảnh, phim có nội dung cấm lưu hành với số lượng dưới 10 phim.

4. Phạt tiền từ trên 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Nhân bản phim nhựa, băng đĩa phim chưa được phép lưu hành với số lượng từ 20 bản đến dưới 100 bản;

b) Tàng trữ trái phép phim nhựa, băng đĩa phim thuộc loại in, nhân bản lậu với số lượng từ 500 bản trở lên;

c) Tàng trữ nhằm lưu hành phim có nội dung cấm lưu hành với số lượng từ 10 phim đến 50 phim.

5. Phạt tiền từ trên 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Nhân bản phim nhựa, băng đĩa phim chưa được phép lưu hành với số lượng từ 100 bản trở lên;

b) Trích ghép, thêm âm thanh, hình ảnh quảng cáo những mặt hàng cấm quảng cáo vào phim nhựa, băng đĩa phim;

c) Trích ghép, thêm âm thanh, hình ảnh có tính chất đồi trụy, khiêu dâm, kích động bạo lực vào phim nhựa, băng đĩa phim đã được phép lưu hành;

d) Tàng trữ nhằm lưu hành phim có nội dung cấm lưu hành với số lượng từ 51 phim đến 100 phim.

6. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Nhân bản phim nhựa, băng đĩa phim đã có quyết định thu hồi, tịch thu, tiêu huỷ hoặc cấm lưu hành;

b) Nhân bản phim nhựa, băng đĩa phim có nội dung đồi trụy, khiêu dâm, kích động bạo lực;

c) Tàng trữ nhằm lưu hành phim có nội dung cấm lưu hành với số lượng trên 100 phim.

7. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này;

b) Tịch thu phương tiện vi phạm đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 4, các khoản 5 và 6, tái phạm hành vi quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.

Điều 26. Vi phạm các quy định về phát hành phim nhựa, băng đĩa phim

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

- a) Mua băng đĩa phim không dán nhãn với số lượng từ 5 bản đến dưới 20 bản;
- b) Bán hoặc cho thuê băng đĩa phim không dán nhãn hoặc dán nhãn giả với số lượng dưới 20 bản;
- c) Bán hoặc cho thuê băng đĩa phim không đúng địa điểm ghi trong giấy phép;
- d) Mua, bán nhãn băng đĩa phim chưa ghi đủ đề mục theo quy định từ 5 bản trở lên;
- đ) Mua, bán nhãn băng đĩa phim giả với số lượng từ 10 nhãn đến dưới 50 nhãn;
- e) Tẩy xoá, sửa đổi nhãn dán trên băng đĩa phim.

2. Phạt tiền từ trên 500.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

- a) Bán, cho thuê hoặc lưu hành phim nhựa, băng đĩa phim chưa được phép phổ biến với số lượng dưới 20 bản;
- b) Mua, bán hoặc cho thuê băng đĩa phim không dán nhãn hoặc dán nhãn giả với số lượng từ 20 bản đến dưới 100 bản;
- c) Đánh tráo nội dung băng đĩa phim đã được dán nhãn để kinh doanh;
- d) Chuyển nhượng giấy phép cho tổ chức, cá nhân khác hoặc sử dụng giấy phép của tổ chức, cá nhân khác để bán, cho thuê băng đĩa phim;
- đ) Sửa chữa, tẩy xoá giấy phép bán, cho thuê băng đĩa phim;
- e) Mua, bán nhãn băng đĩa phim giả với số lượng từ 50 nhãn trở lên.

3. Phạt tiền từ trên 1.500.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

- a) Mua băng đĩa phim không dán nhãn với số lượng từ 100 bản đến dưới 500 bản;
- b) Bán, cho thuê băng đĩa phim không dán nhãn hoặc dán nhãn giả với số lượng từ 100 bản đến dưới 500 bản;
- c) Bán, cho thuê băng đĩa phim chưa được phép phổ biến với số lượng từ 20 bản đến dưới 100 bản.

4. Phạt tiền từ trên 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Bán, cho thuê băng đĩa phim mà không có giấy phép của cơ quan quản lý nhà nước về văn hoá - thông tin;

b) Chuyển nhượng giấy phép cho tổ chức, cá nhân khác hoặc sử dụng giấy phép của tổ chức, cá nhân khác để bán, cho thuê băng đĩa phim;

c) Phát hành phim nhựa, băng đĩa phim chưa có quyết định cho phép phổ biến;

d) Phát hành phim nhựa, băng đĩa phim quá phạm vi được phép ở trong nước;

đ) Mua, bán, cho thuê băng đĩa phim không dán nhãn hoặc dán nhãn giả với số lượng từ 500 bản đến dưới 1.000 bản;

e) Bán, cho thuê băng đĩa phim chưa được phép phổ biến với số lượng từ 100 bản trở lên;

g) Sản xuất nhãn băng đĩa phim giả để tiêu thụ;

h) Bán, cho thuê hoặc lưu hành phim nhựa, băng đĩa phim có nội dung khiêu dâm, kích động bạo lực.

5. Phạt tiền từ trên 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Thêm, bớt làm sai nội dung phim đã được phép phổ biến để bán, cho thuê;

b) Mua, bán, cho thuê băng đĩa phim không dán nhãn hoặc dán nhãn giả từ 1.000 bản đến dưới 5.000 bản.

6. Phạt tiền từ trên 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Tàng trữ nhằm phổ biến phim thuộc loại cấm phổ biến hoặc đã có quyết định thu hồi, tịch thu, tiêu huỷ;

b) Bán, cho thuê hoặc phát hành phim nhựa, băng đĩa phim đã có quyết định thu hồi, tịch thu, cấm lưu hành hoặc tiêu huỷ;

c) Bán, cho thuê hoặc phát hành phim nhựa, băng đĩa phim có nội dung đồi trụy;

d) Mua, bán, cho thuê băng đĩa phim không dán nhãn hoặc dán nhãn giả từ 5.000 bản trở lên;

đ) Xuất khẩu phim thuộc loại phải có quyết định cho phép phổ biến mà chưa có quyết định hoặc chưa được phát sóng trên đài truyền hình.

7. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép từ 90 ngày đến 180 ngày đối với hành vi quy định tại điểm c khoản 1, các điểm d và đ khoản 2, các điểm b, đ, e và h khoản 4, điểm b khoản 5, khoản 6 Điều này;

b) Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại các điểm a, b, d, đ và e khoản 1, các điểm a, b, c và e khoản 2, khoản 3, các điểm c, đ, e, g và h khoản 4, các khoản 5 và 6 Điều này;

c) Tịch thu phương tiện vi phạm đối với hành vi quy định tại điểm g khoản 4 Điều này.

Điều 27. Vi phạm các quy định về chiếu phim

1. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Chiếu phim tại nơi công cộng gây ồn quá mức quy định hoặc quá 12 giờ đêm;

b) Cho trẻ em dưới 16 tuổi vào rạp chiếu phim để xem loại phim cấm trẻ em dưới 16 tuổi.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi chiếu băng đĩa phim không dán nhãn tại nơi công cộng.

3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi chiếu phim chưa được phép lưu hành tại nơi công cộng.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi chiếu phim có nội dung khiêu dâm, kích động bạo lực tại nơi công cộng.

5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Chiếu phim đã có quyết định thu hồi, tịch thu, cấm lưu hành hoặc tiêu huỷ tại nơi công cộng;

b) Chiếu phim có nội dung đồi trụy tại nơi công cộng.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều này;

b) Tịch thu phương tiện vi phạm đối với hành vi quy định tại các khoản 4 và 5 Điều này.

Điều 28. Vi phạm các quy định về lưu chiếu, lưu trữ tác phẩm điện ảnh

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi nộp lưu chiếu, lưu trữ tác phẩm điện ảnh không đủ số lượng, không đúng chủng loại theo quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không nộp lưu chiếu, lưu trữ tác phẩm điện ảnh theo quy định.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc phải nộp lưu chiếu, lưu trữ tác phẩm điện ảnh theo đúng quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này.

Mục 4

HÀNH VI VI PHẠM TRONG LĨNH VỰC NGHỆ THUẬT BIỂU DIỄN, HÌNH THỨC VÀ MỨC PHẠT

Điều 29. Vi phạm các quy định về nhân bản băng, đĩa ca nhạc, sân khấu

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi nhân bản băng, đĩa ca nhạc, sân khấu chưa được phép phát hành với số lượng từ 5 bản đến dưới 100 bản.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi nhân bản băng, đĩa ca nhạc, sân khấu chưa được phép phát hành với số lượng từ 100 bản đến dưới 300 bản.

3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi nhân bản băng, đĩa ca nhạc, sân khấu chưa được phép phát hành với số lượng từ 300 bản đến dưới 500 bản.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Nhân bản băng, đĩa ca nhạc, sân khấu chưa được phép phát hành với số lượng từ 500 bản đến dưới 1.000 bản;

b) Nhân bản băng, đĩa ca nhạc, sân khấu có nội dung khiêu dâm, kích động bạo lực.

5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Nhân bản băng, đĩa ca nhạc, sân khấu đã có quyết định cấm lưu hành hoặc quyết định thu hồi, tịch thu;

b) Nhân bản băng, đĩa ca nhạc, sân khấu có nội dung đồi trụy;

c) Nhân bản băng, đĩa ca nhạc, sân khấu chưa được phép phát hành với số lượng từ 1.000 bản đến dưới 5.000 bản.

6. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi nhân bản băng, đĩa ca nhạc, sân khấu chưa được phép phát hành với số lượng từ 5.000 bản trở lên.

7. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này;

b) Tịch thu phương tiện vi phạm đối với hành vi quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này.

Điều 30. Vi phạm các quy định về sản xuất băng, đĩa ca nhạc, sân khấu

1. Phạt tiền từ 1.500.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Sửa chữa, tẩy xóa giấy phép sản xuất, giấy phép phát hành băng, đĩa ca nhạc, sân khấu;

b) Trích ghép, thêm âm thanh, hình ảnh có nội dung khiêu dâm, kích động bạo lực, mê tín dị đoan vào băng, đĩa ca nhạc, sân khấu đã được phép phát hành;

c) Trích ghép âm thanh, hình ảnh chưa được phép phát hành vào băng, đĩa ca nhạc, sân khấu đã được phép phát hành;

d) Không nộp lưu chiểu băng, đĩa ca nhạc, sân khấu.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Chuyển nhượng giấy phép sản xuất, giấy phép phát hành cho tổ chức, cá nhân khác hoặc sử dụng giấy phép của tổ chức, cá nhân khác để sản xuất băng, đĩa ca nhạc, sân khấu;

b) Sản xuất băng, đĩa ca nhạc, sân khấu nhằm mục đích kinh doanh mà không có giấy phép.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất băng, đĩa ca nhạc, sân khấu có nội dung khiêu dâm, kích động bạo lực hoặc trích ghép thêm âm thanh, hình ảnh có nội dung cấm vào băng, đĩa đã được phép phát hành để kinh doanh.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất băng, đĩa ca nhạc, sân khấu có nội dung đồi trụy, nội dung cấm.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép không thời hạn đối với hành vi quy định tại khoản 1, điểm a khoản 2, khoản 3 và 4 Điều này;

b) Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại các điểm b và c khoản 1, điểm b khoản 2, khoản 3 và 4 Điều này;

c) Tịch thu phương tiện vi phạm đối với hành vi quy định tại các điểm b và c khoản 1, điểm b khoản 2, khoản 3 và 4 Điều này.

Điều 31. Vi phạm các quy định về mua, bán, cho thuê băng, đĩa ca nhạc, sân khấu

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Bán, cho thuê hoặc lưu hành băng, đĩa ca nhạc, sân khấu thuộc loại chưa được phép phát hành với số lượng dưới 50 bản;

b) Bán hoặc cho thuê băng, đĩa ca nhạc, sân khấu thuộc loại in, nhân bản lậu với số lượng dưới 50 bản.

2. Phạt tiền từ trên 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Mua, bán, cho thuê băng, đĩa ca nhạc, sân khấu chưa được phép phát hành với số lượng từ 50 bản đến dưới 100 bản;

b) Mua, bán hoặc cho thuê băng, đĩa ca nhạc, sân khấu thuộc loại in, nhân bản lậu từ 50 bản đến dưới 100 bản.

3. Phạt tiền từ trên 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Bán hoặc cho thuê băng, đĩa ca nhạc, sân khấu có nội dung cấm với số lượng dưới 20 bản;

b) Mua, bán, cho thuê hoặc lưu hành băng, đĩa ca nhạc, sân khấu chưa được phép phát hành với số lượng từ 100 bản đến dưới 300 bản;

c) Mua, bán hoặc cho thuê băng, đĩa ca nhạc, sân khấu thuộc loại in, nhân bản lậu với số lượng từ 100 bản đến dưới 300 bản.

4. Phạt tiền từ trên 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Mua, bán, hoặc cho thuê băng, đĩa ca nhạc, sân khấu có nội dung cấm với số lượng từ 20 bản đến dưới 50 bản;

b) Mua, bán, cho thuê hoặc lưu hành băng, đĩa ca nhạc, sân khấu thuộc loại chưa được phép phát hành với số lượng từ 300 bản đến dưới 500 bản;

c) Mua, bán hoặc cho thuê băng, đĩa ca nhạc, sân khấu thuộc loại in, nhân bản lậu với số lượng từ 300 bản đến dưới 500 bản.

5. Phạt tiền từ trên 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Mua, bán hoặc cho thuê băng, đĩa ca nhạc, sân khấu có nội dung cấm với số lượng từ 50 bản đến dưới 100 bản;

b) Mua, bán, cho thuê hoặc lưu hành băng, đĩa ca nhạc sân khấu thuộc loại chưa được phép phát hành với số lượng từ 500 bản đến dưới 1.000 bản;

c) Mua, bán hoặc cho thuê băng, đĩa ca nhạc, sân khấu thuộc loại in, nhân bản lậu với số lượng từ 500 bản đến dưới 1.000 bản.

6. Phạt tiền từ trên 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Mua, bán hoặc cho thuê băng, đĩa ca nhạc, sân khấu có nội dung cấm với số lượng từ 100 bản trở lên;

b) Mua, bán, cho thuê hoặc lưu hành băng, đĩa ca nhạc, sân khấu thuộc loại chưa được phép phát hành với số lượng từ 1.000 bản trở lên;

c) Mua, bán hoặc cho thuê băng, đĩa ca nhạc, sân khấu thuộc loại in, nhân bản lậu với số lượng từ 1.000 bản trở lên.

7. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này.

Điều 32. Vi phạm các quy định về tàng trữ, phổ biến băng, đĩa ca nhạc, sân khấu

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi phổ biến băng, đĩa ca nhạc, sân khấu chưa được phép phổ biến tại nơi công cộng.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Phổ biến băng, đĩa ca nhạc, sân khấu có nội dung mê tín dị đoan tại nơi công cộng;

b) Tàng trữ, phổ biến băng, đĩa ca nhạc, sân khấu thuộc loại nhân bản lậu với số lượng dưới 50 bản.

3. Phạt tiền từ trên 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Tàng trữ, phổ biến trái phép băng, đĩa ca nhạc, sân khấu thuộc loại cấm phổ biến với số lượng dưới 20 bản;

b) Tàng trữ, phổ biến trái phép băng, đĩa ca nhạc, sân khấu thuộc loại nhân bản lậu với số lượng từ 50 bản đến dưới 100 bản;

c) Phổ biến băng, đĩa ca nhạc, sân khấu có nội dung khiêu dâm, kích động bạo lực tại nơi công cộng.

4. Phạt tiền từ trên 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Tàng trữ băng, đĩa ca nhạc, sân khấu thuộc loại cấm phổ biến với số lượng từ 20 bản đến dưới 100 bản;

b) Tàng trữ trái phép băng, đĩa ca nhạc, sân khấu thuộc loại nhân bản lậu với số lượng từ 100 bản đến dưới 300 bản;

c) Tàng trữ, phổ biến băng, đĩa ca nhạc, sân khấu có nội dung phản động, đòi trụ;

d) Phát hành băng, đĩa ca nhạc sân khấu mà không dán nhãn kiểm soát hoặc dán nhãn không đúng nội dung băng, đĩa được phép phát hành.

5. Phạt tiền từ trên 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Tàng trữ trái phép băng, đĩa ca nhạc, sân khấu thuộc loại cấm phổ biến với số lượng từ 100 bản trở lên;

b) Tàng trữ trái phép băng, đĩa ca nhạc, sân khấu thuộc loại nhân bản lậu với số lượng từ 300 bản trở lên;

c) Tàng trữ trái phép băng, đĩa ca nhạc, sân khấu thuộc loại chưa được phép lưu hành với số lượng từ 300 bản trở lên.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này.

Điều 33. Vi phạm các quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Tự tiện thay đổi nội dung, thêm bớt lời ca, lời thoại, thêm động tác diễn xuất khác với khi duyệt cho phép công diễn mà gây hậu quả xấu;

b) Tự tiện thay đổi trang phục khác với trang phục đã được cơ quan có thẩm quyền duyệt và cho phép mà gây hậu quả xấu;

c) Mặc trang phục không phù hợp với thuần phong, mỹ tục Việt Nam;

d) Người biểu diễn lợi dụng giao lưu với khán giả để có những hành vi thiếu văn hoá hoặc phát ngôn thô tục, không đúng đắn.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Thực hiện không đúng nội dung đã ghi trong giấy phép của cơ quan quản lý nhà nước về văn hoá - thông tin;

b) Nghệ sỹ là người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc là người nước ngoài vào biểu diễn tại Việt Nam mà không được cơ quan quản lý nhà nước về văn hoá - thông tin cho phép;

c) Dùng băng, đĩa hoặc các phương tiện âm thanh khác đã thu sẵn để thể hiện thay cho giọng của người biểu diễn;

d) Mua, bán, chuyển nhượng, sửa chữa, cho mượn, cho thuê giấy phép công diễn để tổ chức biểu diễn;

đ) Biểu diễn sau 12 giờ đêm mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép;

e) Tổ chức biểu diễn nhằm mục đích từ thiện nhưng không thực hiện đúng mục đích xin phép;

g) Tổ chức biểu diễn tác phẩm thuộc loại chưa được phép phổ biến.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Tổ chức cho các đoàn nghệ thuật, nghệ sĩ nước ngoài biểu diễn tại nơi công cộng mà không có giấy phép công diễn hoặc giấy tiếp nhận biểu diễn do cơ quan quản lý nhà nước về văn hoá - thông tin có thẩm quyền cấp hoặc không đúng nội dung ghi trong giấy phép;

b) Tổ chức biểu diễn cho người đã bị cơ quan quản lý nhà nước về văn hoá - thông tin cấm biểu diễn;

c) Tổ chức cho đoàn nghệ thuật, nghệ sĩ Việt Nam biểu diễn theo quy định phải có giấy phép công diễn hoặc giấy tiếp nhận biểu diễn mà không có giấy phép công diễn hoặc giấy tiếp nhận biểu diễn;

d) Giả mạo giấy phép công diễn để tổ chức biểu diễn.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với các hành vi biểu diễn, tổ chức biểu diễn tác phẩm có nội dung khiêu dâm, kích động bạo lực tại nơi công cộng.

5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Biểu diễn, tổ chức biểu diễn tác phẩm nghệ thuật đã có quyết định cấm biểu diễn, tác phẩm có nội dung đòi trụ, phản động;

b) Biểu diễn, tổ chức biểu diễn tác phẩm nghệ thuật có nội dung kích động chiến tranh xâm lược, gây chia rẽ giữa các dân tộc và nhân dân các nước, các hành vi tội ác;

c) Biểu diễn, tổ chức biểu diễn tác phẩm nghệ thuật có nội dung xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng, xúc phạm vĩ nhân, anh hùng dân tộc.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép công diễn đối với hành vi quy định tại điểm d khoản 2 Điều này;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm đối với hành vi quy định tại các khoản 4 và 5 Điều này.

Mục 5
HÀNH VI VI PHẠM TRONG LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG VĂN HOÁ
VÀ KINH DOANH DỊCH VỤ VĂN HOÁ CÔNG CỘNG,
HÌNH THỨC VÀ MỨC PHẠT

Điều 34. Vi phạm các quy định về nếp sống

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Cho người say rượu, bia vào vũ trường, nơi khiêu vũ công cộng, phòng karaoke;

b) Say rượu, bia ở công sở, nơi làm việc, khách sạn, nhà hàng, quán ăn, vũ trường, nơi khiêu vũ công cộng, phòng karaoke, nơi hoạt động văn hoá, kinh doanh dịch vụ văn hoá, trên các phương tiện giao thông và những nơi công cộng khác.

2. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Tổ chức hoạt động lên đồng, xem bói, gọi hồn, xin xăm, xóc thẻ, yểm bùa, phù chú, truyền bá sấm trạng và các hình thức khác có tính chất mê tín dị đoan;

b) Treo cờ Tổ quốc ở khu vực lễ hội không cao hơn, không trang trọng hơn các cờ khác;

c) Lợi dụng tín ngưỡng để quyên góp tiền của, vật chất khác.

3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi phục hồi hủ tục trái với thuần phong mỹ tục Việt Nam.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi lợi dụng lễ hội để tổ chức hoạt động gây mất trật tự, an ninh; tuyên truyền trái pháp luật; chia rẽ đoàn kết dân tộc.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật và phương tiện vi phạm đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

b) Tịch thu sung công quỹ số tiền thu bất chính đối với hành vi quy định tại các điểm a và c khoản 2 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc treo cờ Tổ quốc cao hơn, trang trọng hơn các cờ khác đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

Điều 35. Vi phạm các quy định về điều kiện tổ chức hoạt động văn hoá, kinh doanh dịch vụ văn hoá công cộng

1. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Dùng âm thanh quá mức độ ồn tối đa cho phép để tuyên truyền, quảng cáo các loại trò chơi, dịch vụ được tổ chức ở lễ hội;

b) Cho người dưới 18 tuổi vào khiêu vũ tại nơi kinh doanh hoạt động vũ trường.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Kinh doanh trò chơi điện tử ở địa điểm cách trường học dưới 200 m hoặc quá 11 giờ đêm đến 6 giờ sáng.

b) Không đảm bảo đủ ánh sáng theo quy định tại vũ trường, nơi khiêu vũ công cộng, phòng hát karaoke;

c) Sử dụng người lao động làm việc tại vũ trường, nhà hàng karaoke mà không có hợp đồng lao động theo quy định;

d) Phát hành vé quá số ghế, quá sức chứa hoặc quá số lượng được cơ quan có thẩm quyền cho phép tại nơi tổ chức hoạt động văn hoá và kinh doanh dịch vụ văn hoá công cộng.

3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không đảm bảo đủ diện tích theo quy định của vũ trường, nơi khiêu vũ công cộng, phòng karaoke sau khi đã được cấp giấy phép;

b) Che kín cửa hoặc thực hiện bất kỳ hình thức nào làm cho bên ngoài không nhìn rõ toàn bộ phòng karaoke;

c) Tắt đèn tại vũ trường, nơi khiêu vũ công cộng, phòng karaoke khi đang hoạt động; chốt cửa phòng karaoke khi đang hoạt động;

d) Tổ chức hoạt động biểu diễn nghệ thuật, hoạt động vũ trường, chiếu phim, hoạt động karaoke gây ồn quá mức quy định;

đ) Sử dụng người dưới 18 tuổi làm việc tại vũ trường, nhà hàng karaoke.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi đặt thiết bị báo động tại nhà hàng karaoke để đối phó với hoạt động kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép không thời hạn đối với hành vi quy định tại khoản 4 và tái phạm hành vi quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

b) Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 4 Điều này.

Điều 36. Vi phạm các quy định về giấy phép hoạt động

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Dùng loa phóng thanh hoặc các loại âm thanh khác để quảng cáo, cổ động tại nơi công cộng mà không có giấy phép hoặc không đúng nội dung ghi trong giấy phép;

b) Tổ chức lễ hội theo quy định phải báo cáo bằng văn bản với cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không báo cáo hoặc có báo cáo nhưng không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền đồng ý mà vẫn tổ chức.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Khách sạn, cơ sở lưu trú từ một sao trở lên kinh doanh karaoke mà không đảm bảo các điều kiện về cửa phòng, diện tích phòng theo quy định;

b) Khách sạn, cơ sở lưu trú từ một sao trở lên kinh doanh karaoke mà không có văn bản thông báo cho Sở Văn hoá - Thông tin sở tại biết.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Kinh doanh hoạt động vũ trường, karaoke không đúng nội dung, không đúng phạm vi quy định trong giấy phép, không đúng quy định của pháp luật;

b) Chuyển nhượng giấy phép cho tổ chức, cá nhân khác hoặc sử dụng giấy phép của tổ chức, cá nhân khác để kinh doanh hoạt động vũ trường, karaoke, thi hoa hậu, trình diễn thời trang;

c) Tổ chức trò chơi điện tử và các trò chơi khác để kinh doanh mà có nội dung phản động, đồi trụy, khiêu dâm, kích động bạo lực, có tính chất cờ bạc;

d) Tổ chức thi hoa hậu, trình diễn thời trang không đúng nội dung được phép;

đ) Nhà hàng ăn uống, giải khát không có giấy phép hoạt động vũ trường mà tổ chức cho khách khiêu vũ.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Kinh doanh karaoke không có giấy phép;

b) Tổ chức thi hoa hậu, trình diễn thời trang mà không có giấy phép;

c) Tổ chức lễ hội theo quy định phải có giấy phép mà không có giấy phép.

5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi kinh doanh hoạt động vũ trường không có giấy phép.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép không thời hạn đối với hành vi quy định tại các điểm a, b và d khoản 3 Điều này;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 1, điểm c khoản 3, điểm a khoản 4, khoản 5 Điều này.

Điều 37. Vi phạm các quy định về sản xuất, lưu hành băng, đĩa trò chơi điện tử

1. Phạt tiền từ 1.500.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức trò chơi điện tử, bán hoặc cho thuê băng đĩa trò chơi điện tử có nội dung khiêu dâm, kích động bạo lực hoặc có nội dung độc hại khác.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức trò chơi điện tử, lưu hành băng, đĩa trò chơi điện tử có nội dung cấm lưu hành tại nơi khiêu vũ công cộng, nhà hàng karaoke và những nơi tổ chức hoạt động văn hoá, kinh doanh dịch vụ văn hoá công cộng khác.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Sản xuất, nhân bản băng, đĩa trò chơi điện tử có nội dung cấm;

b) Sản xuất, nhập khẩu máy, nhập khẩu băng, đĩa trò chơi điện tử có nội dung cấm;

c) Bán hoặc cho thuê băng, đĩa trò chơi điện tử có nội dung đồi trụy.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này;

b) Tịch thu phương tiện vi phạm đối với hành vi quy định tại các điểm a và b khoản 3 Điều này.

Điều 38. Vi phạm các quy định cấm đối với hoạt động văn hoá và kinh doanh dịch vụ văn hoá công cộng

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Tổ chức trò chơi có nội dung kinh dị, kích động bạo lực tại nơi công cộng;

b) Uống rượu tại phòng karaoke;

c) Kinh doanh trò chơi điện tử quá giờ được phép.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Bán rượu tại phòng karaoke;

b) Sử dụng từ 2 đến 3 nhân viên phục vụ trong một phòng karaoke;

c) Bán tranh, ảnh có nội dung đồi trụy, khiêu dâm, kích động bạo lực.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Treo, trưng bày tranh, ảnh, lịch hay vật khác có nội dung đồi trụy, khiêu dâm, kích động bạo lực tại vũ trường, nơi khiêu vũ công cộng, nhà hàng karaoke hoặc tại nơi hoạt động văn hoá và kinh doanh dịch vụ văn hoá công cộng khác;

b) Lưu hành tại vũ trường, nơi khiêu vũ công cộng, nhà hàng karaoke, phim, băng đĩa, vật liệu có nội dung ca nhạc, sân khấu hoặc biểu diễn tác phẩm sân khấu, âm nhạc, múa chưa được phép lưu hành;

c) Sử dụng từ 4 đến 5 nhân viên phục vụ trong một phòng karaoke;

d) Hoạt động karaoke, chiếu phim, biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang quá giờ được phép;

đ) Phát tán trong mạng điện thoại di động thông tin, hình ảnh có nội dung độc hại.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Dùng các phương thức phục vụ có tính chất khiêu dâm tại vũ trường, nơi khiêu vũ công cộng, nhà hàng karaoke, nơi hoạt động văn hoá và kinh doanh dịch vụ văn hoá công cộng khác;

b) Cho thuê, cho mượn địa điểm làm vũ trường, nơi khiêu vũ công cộng, hoạt động karaoke và những hoạt động văn hoá, kinh doanh dịch vụ văn hoá khác mà biết nơi cho thuê, cho mượn được sử dụng cho hoạt động mại dâm, nghiện hút, ma tuý, đánh bạc và các tệ nạn xã hội khác mà không có biện pháp ngăn chặn hoặc tố giác;

c) Sử dụng từ 6 nhân viên phục vụ trở lên trong một phòng karaoke;

d) Hoạt động vũ trường quá giờ được phép.

5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Dung túng, bao che cho các hoạt động có tính chất đồi trụy, khiêu dâm, kích động bạo lực, hoạt động mại dâm, sử dụng ma tuý, đánh bạc hoặc “cá độ” được thua bằng tiền hoặc hiện vật tại vũ trường, nơi khiêu vũ công cộng, nhà hàng karaoke và những nơi tổ chức hoạt động văn hoá, kinh doanh dịch vụ văn hoá công cộng khác;

b) Lưu hành băng đĩa ca nhạc, sân khấu đã có quyết định cấm lưu hành, quyết định thu hồi, tịch thu hoặc có nội dung đồi trụy, khiêu dâm, kích động bạo lực tại vũ trường, nơi khiêu vũ công cộng, nhà hàng karaoke và những nơi tổ chức hoạt động văn hoá, kinh doanh dịch vụ văn hoá công cộng khác.

6. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi lưu hành phim đã có quyết định cấm lưu hành, quyết định thu hồi, tịch thu hoặc có nội dung đồi trụy, khiêu dâm, kích động bạo lực tại vũ trường, nơi khiêu vũ công cộng, nhà hàng karaoke và những nơi tổ chức hoạt động văn hoá, kinh doanh dịch vụ văn hoá công cộng khác.

7. Phạt tiền 30.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức nhảy múa thoát y hoặc tổ chức hoạt động khác có tính chất đồi trụy tại vũ trường, nơi khiêu vũ công cộng.

8. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép không thời hạn đối với hành vi quy định tại các khoản 4, 5, 6 và 7 tái phạm hành vi quy định tại các khoản 2 và 3 Điều này;

b) Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại các điểm a và b khoản 1, các điểm a và c khoản 2, các điểm a, b và đ khoản 3, các khoản 5 và 6 Điều này.

Điều 39. Vi phạm các quy định cấm đối với hoạt động văn hoá và kinh doanh dịch vụ văn hóa tại cơ sở lưu trú, nhà hàng ăn uống

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi treo, trưng bày tranh, ảnh có nội dung đồi trụy, khiêu dâm, kích động bạo lực tại cơ sở lưu trú, nhà hàng ăn uống.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi dùng các phương thức phục vụ có tính chất khiêu dâm tại cơ sở lưu trú, nhà hàng ăn uống.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 40. Vi phạm các quy định về sản xuất, đốt hàng mã

1. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi đốt đồ mã tại nơi tổ chức lễ hội, di tích lịch sử, văn hoá.

2. Phạt tiền từ 1.500.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất trái phép hàng mã; tuyên truyền mê tín dị đoan để tiêu thụ hàng mã.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất gia công hàng mã cho nước ngoài mà không được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, hoặc sản xuất gia công cho nước ngoài nhưng tiêu thụ ở trong nước.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm đối với các hành vi quy định tại các khoản 2 và 3 Điều này.

Điều 41. Vi phạm các quy định về dạy âm nhạc, dạy khiêu vũ của cơ sở dạy âm nhạc, dạy khiêu vũ ngoài công lập

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi dạy âm nhạc, dạy khiêu vũ theo quy định phải đăng ký với Sở Văn hoá - Thông tin sở tại mà không đăng ký.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức dạy âm nhạc, dạy khiêu vũ hoặc sử dụng người dạy âm nhạc, dạy khiêu vũ không đủ điều kiện theo quy định.

3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi dạy âm nhạc, dạy khiêu vũ có nội dung cấm.

Mục 6

HÀNH VI VI PHẠM TRONG LĨNH VỰC MỸ THUẬT; TRIỂN LÃM VĂN HÓA, NGHỆ THUẬT; NHIẾP ẢNH, HÌNH THỨC VÀ MỨC PHẠT

Điều 42. Vi phạm các quy định về giấy phép, đăng ký hoạt động

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức triển lãm văn hoá, nghệ thuật theo quy định phải đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không đăng ký hoặc thực hiện không đúng với nội dung đã đăng ký.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng mà không được phép;

b) Tổ chức triển lãm văn hoá, nghệ thuật theo quy định phải có giấy phép mà không có giấy phép hoặc không đúng nội dung được phép;

c) Tổ chức triển lãm văn hoá, nghệ thuật có nội dung cấm hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền không cho phép mà vẫn tổ chức triển lãm;

d) Chủ địa điểm triển lãm cho thực hiện triển lãm văn hoá, nghệ thuật mà tổ chức, cá nhân triển lãm không có giấy đăng ký triển lãm hoặc giấy phép triển lãm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc phải tháo dỡ công trình xây dựng trái phép đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

b) Buộc phải tháo dỡ triển lãm quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.

Điều 43. Vi phạm các quy định cấm trong lĩnh vực mỹ thuật, triển lãm văn hoá, nghệ thuật, nhiếp ảnh

1. Phạt tiền từ 500.000 đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Chụp ảnh ở khu vực có biển cấm;

b) Lồng ghép ảnh gây hậu quả xấu cho quan hệ của người khác hoặc xúc phạm cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Nhân bản tượng Chủ tịch Hồ Chí Minh để kinh doanh mà mẫu tượng đó chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền duyệt và cho phép;

b) Sản xuất, kinh doanh tượng Chủ tịch Hồ Chí Minh không đảm bảo sự trang trọng, tôn kính đối với lãnh tụ.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi làm ra tác phẩm mỹ thuật, nhiếp ảnh, dịch sách, báo có nội dung độc hại để phổ biến hoặc tàng trữ nhằm mục đích phổ biến.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi triển lãm những ấn phẩm, tác phẩm mỹ thuật, nhiếp ảnh và những sản phẩm văn hoá, nghệ thuật khác thuộc loại cấm phổ biến.

5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng có nội dung kích động bạo lực, chiến tranh xâm lược, gây hận thù giữa các dân tộc và nhân dân các nước, thể hiện tư tưởng, văn hoá phản động, lối sống dâm ô, đồi trụy, các hành vi tội ác;

b) Xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng có nội dung xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng, xúc phạm vĩ nhân, anh hùng dân tộc;

c) Xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng có nội dung độc hại nhưng không thuộc quy định tại các điểm a và b khoản này.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 1, điểm a khoản 2, các khoản 3 và 4 Điều này;

b) Tịch thu phương tiện vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc phải tháo dỡ công trình đã xây dựng đối với hành vi quy định tại khoản 5 Điều này.

Mục 7

HÀNH VI VI PHẠM TRONG LĨNH VỰC QUYỀN TÁC GIẢ TÁC PHẨM VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT VÀ QUYỀN LIÊN QUAN, HÌNH THỨC VÀ MỨC PHẠT

Điều 44. Vi phạm các quy định về sao chép, nhân bản, xuất bản, tái bản, lắp ghép tác phẩm, sản phẩm, chương trình

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi trích ghép băng đĩa nhạc, sân khấu để kinh doanh mà không có thoả thuận bằng văn bản của chủ sở hữu bản quyền.

2. Phạt tiền từ 1.500.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Nhân bản, sao chép, trích ghép để nhân bản băng đĩa ca nhạc, sân khấu để kinh doanh mà không có thoả thuận bằng văn bản của chủ sở hữu bản quyền;

b) Sao chép tác phẩm tạo hình không nhằm mục đích kinh doanh mà không được sự đồng ý của chủ sở hữu bản quyền;

c) Kết nối truyền hình cáp mà không có hợp đồng với chủ sở hữu bản quyền.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi sao chép tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng để kinh doanh mà không có thoả thuận bằng văn bản của chủ sở hữu tác phẩm.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Nhân bản chương trình phát thanh, truyền hình đã phát sóng để phổ biến nhằm mục đích kinh doanh mà không có thoả thuận bằng văn bản của chủ sở hữu chương trình;

b) Sao chép, nhân bản hoặc lắp ghép để sao chép, nhân bản băng đĩa phim để kinh doanh mà không có thoả thuận bằng văn bản của chủ sở hữu tác phẩm;

c) Kinh doanh phần mềm thuộc loại sao chép lậu.

5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Sao chép, nhân bản, xuất bản, tái bản tác phẩm viết để kinh doanh mà không có thoả thuận bằng văn bản với chủ sở hữu tác phẩm;

b) Sao chép phần mềm máy tính mà không có thoả thuận bằng văn bản với chủ sở hữu tác phẩm;

c) Sao chép tác phẩm kiến trúc mà không có thoả thuận bằng văn bản với chủ sở hữu tác phẩm.

6. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi sao chép, nhân bản phim nhựa để kinh doanh mà không có văn bản thoả thuận với chủ sở hữu tác phẩm.

7. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này;

b) Tịch thu phương tiện vi phạm đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 2, khoản 4, điểm b khoản 5 và khoản 6 Điều này.

Điều 45. Vi phạm các quy định về quyền đứng tên, đặt tên cho tác phẩm, bảo vệ sự toàn vẹn tác phẩm, sửa đổi, trích dẫn, thêm bớt, dịch, biên soạn, phóng tác, cải biên, chuyển thể, tuyển chọn, tuyển tập, hợp tuyển, chú giải tác phẩm

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Trích dẫn tác phẩm của người khác đưa vào tác phẩm của mình mà không đề tên tác giả và nguồn gốc tác phẩm;

b) Trích dẫn tác phẩm làm sai lạc ý của tác giả.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi dịch, biên soạn, phóng tác, cải biên, chuyển thể, tuyển chọn, tuyển tập, hợp tuyển, chú giải tác phẩm mà không có thoả thuận bằng văn bản của chủ sở hữu tác phẩm gốc.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Mạo danh tác giả hoặc thay đổi tên tác phẩm để nhân bản nhằm mục đích kinh doanh;

b) Thêm bớt hoặc làm thay đổi nội dung tác phẩm văn học, nghệ thuật mà không được sự đồng ý của tác giả.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại các khoản 2 và 3 Điều này.

Điều 46. Vi phạm các quy định về công bố, phổ biến, biểu diễn tác phẩm

1. Phạt từ 1.500.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng tác phẩm phải trả tiền cho chủ sở hữu mà không trả tiền cho chủ sở hữu theo quy định, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi ghi âm, ghi hình hoặc trực tiếp phát sóng từ nơi đang biểu diễn mà không có thoả thuận bằng văn bản của người biểu diễn trừ trường hợp được pháp luật cho phép.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Công bố, phổ biến lần đầu tác phẩm mà không có thoả thuận bằng văn bản với chủ sở hữu tác phẩm;

b) Biểu diễn tác phẩm sân khấu theo quy định phải trả tiền cho chủ sở hữu tác phẩm mà không trả tiền theo quy định.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Phát sóng phim nhựa, phim video mà không có thoả thuận bằng văn bản của chủ sở hữu tác phẩm;

b) Công bố, phổ biến ở trong nước tác phẩm bị cấm công bố, phổ biến hoặc tác phẩm của tác giả bị cấm công bố, phổ biến.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật và phương tiện vi phạm đối với hành vi quy định tại các khoản 2 và 4 Điều này.

Điều 47. Vi phạm các quy định về xuất khẩu, nhập khẩu tác phẩm, sản phẩm, chương trình vi phạm quyền tác giả

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi xuất khẩu, nhập khẩu nhằm mục đích kinh doanh phim nhựa, băng đĩa phim, băng đĩa ca nhạc, sân khấu, chương trình phát thanh, truyền hình, tác phẩm viết, tạo hình, mỹ thuật ứng dụng, phần mềm máy tính được nhân bản, tái bản, sao chép, lắp ghép vi phạm quyền tác giả.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này.

Mục 8

HÀNH VI VI PHẠM TRONG LĨNH VỰC QUẢNG CÁO, VIẾT, ĐẶT BIỂN HIỆU, HÌNH THỨC VÀ MỨC PHẠT

Điều 48. Vi phạm các quy định về giấy phép hoạt động quảng cáo

1. Phạt tiền 200.000 đồng đối với mỗi băng-rôn quảng cáo không có giấy phép.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Quảng cáo bằng thùng hàng có diện tích từ 0,5 m² trở lên gắn trên mỗi xe máy mà không có giấy phép;

b) Quảng cáo bằng băng - rôn đã hết thời hạn ghi trong giấy phép mà không tự tháo dỡ;

c) Quảng cáo bằng áp - phích không ghi tên người xuất bản, tên cơ sở in.

3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với mỗi m² vượt quá diện tích quy định trong giấy phép quảng cáo trên bảng, biển quảng cáo.

4. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không ghi số giấy phép, thời hạn giấy phép, tên tổ chức, cá nhân xin giấy phép quảng cáo trên bảng, biển quảng cáo hoặc các hình thức tương tự;

b) Quảng cáo về kinh doanh, hàng hoá, dịch vụ sinh lời mà không có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định;

c) Quảng cáo trên bảng, biển, hộp đèn có diện tích dưới 40 m², vật phát quang, vật thè trên không, vật thể dưới nước mà không có giấy phép thực hiện quảng cáo;

d) Tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh dịch vụ quảng cáo được cấp giấy phép đầu tư mà trước khi hoạt động không gửi văn bản thông báo đến Sở Văn hoá - Thông tin nơi đặt trụ sở;

đ) Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ quảng cáo đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện ở tỉnh, thành phố khác mà không thông báo cho Sở Văn hoá - Thông tin nơi đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện.

5. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Quảng cáo trong lĩnh vực y tế trái với quy định tại khoản 4 Điều 17 Nghị định số 24/2003/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2003 của Chính phủ;

b) Quảng cáo trong lĩnh vực nông nghiệp trái với quy định tại khoản 6 Điều 17 Nghị định số 24/2003/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2003 của Chính phủ;

c) Quảng cáo trên bảng, biển quảng cáo đã hết hạn quy định trong giấy phép mà không tự tháo dỡ;

d) Quảng cáo trên các phương tiện giao thông và vật thể di động tương tự khác mà không có giấy phép;

đ) Quảng cáo trên phim nhựa, băng đĩa phim, băng đĩa ca nhạc, sân khấu, mà chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép lưu hành các sản phẩm đó duyệt và cho phép;

e) Chuyển nhượng giấy phép thực hiện quảng cáo cho tổ chức, cá nhân khác hoặc sử dụng giấy phép của tổ chức, cá nhân khác để thực hiện quảng cáo;

g) Đưa sản phẩm quảng cáo lên màn hình điện tử mà không gửi trước sản phẩm đó đến Sở Văn hoá - Thông tin sở tại theo quy định.

6. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Treo, dựng, đặt, gắn bảng, biển quảng cáo có diện tích từ 40 m² trở lên hoặc đặt màn hình quảng cáo mà không có giấy phép thực hiện quảng cáo;

b) Văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh dịch vụ quảng cáo có thay đổi về tên gọi, quốc tịch, họ tên người đại diện, số người nước ngoài làm việc tại văn phòng đại diện, chi nhánh, nội dung hoạt động, địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện, chi nhánh mà không thông báo cho cơ quan cấp phép biết.

7. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh dịch vụ quảng cáo hoặc thực hiện quảng cáo ở Việt Nam mà chưa được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam cho phép;

b) Văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh dịch vụ quảng cáo đã hết thời hạn hoạt động ghi trong giấy phép nhưng vẫn tiếp tục hoạt động.

8. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2, điểm c khoản 4, điểm đ khoản 5, điểm a khoản 6 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép không thời hạn đối với hành vi quy định tại điểm e khoản 5 Điều này.

9. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tháo dỡ hoặc xóa sản phẩm quảng cáo đối với hành vi quy định tại khoản 1, các điểm a và b khoản 2, điểm c khoản 4, các điểm c và d khoản 5, điểm a khoản 6 Điều này;

b) Buộc ghi đủ thông tin trên bảng, biển quảng cáo đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 4 Điều này.

Điều 49. Vi phạm các quy định về hình thức quảng cáo

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 50.000 đồng đến 300.000 đồng đối với hành vi dùng âm thanh quảng cáo cho việc bán báo hoặc bán hàng rong, rao vặt gây ồn tại nơi công cộng.

2. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi dùng ma-nơ-canh hoặc các hình thức tương tự để trưng bày quảng cáo hàng hoá gây mất mỹ quan.

3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi ép buộc quảng cáo dưới mọi hình thức.

4. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Quảng cáo sản phẩm hàng hoá do tổ chức, cá nhân nước ngoài không hoạt động ở Việt Nam sản xuất mà không ký kết hợp đồng quảng cáo với tổ chức, cá nhân Việt Nam làm dịch vụ quảng cáo;

b) Trên một sản phẩm quảng cáo có cả tiếng Việt, tiếng dân tộc thiểu số ở Việt Nam, tiếng nước ngoài mà tiếng nước ngoài viết trước tiếng Việt, tiếng dân tộc thiểu số ở Việt Nam hoặc khổ chữ tiếng nước ngoài, tiếng dân tộc thiểu số ở Việt Nam lớn hơn khổ chữ tiếng Việt;

c) Quảng cáo nói xấu, so sánh hoặc gây nhầm lẫn với hoạt động kinh doanh hàng hoá, dịch vụ của người khác;

d) Sử dụng nghiệp vụ xỏ số để quảng cáo không đúng quy định của Bộ Tài chính;

đ) Dùng danh nghĩa, hình ảnh của tổ chức, cá nhân khác để quảng cáo mà không được phép của tổ chức, cá nhân đó;

e) Quảng cáo biểu trưng, nhãn hiệu chung cho nhiều loại hàng hoá, dịch vụ mà trong đó có loại hàng hoá, dịch vụ cấm quảng cáo nhưng không ghi rõ loại hàng hoá, dịch vụ cần quảng cáo mà pháp luật không cấm quảng cáo;

g) Dùng âm thanh quảng cáo quá mức độ âm thanh được phép theo tiêu chuẩn Việt Nam.

5. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Dùng âm thanh để quảng cáo từ 23 giờ đến 05 giờ;

b) Dùng âm thanh quảng cáo trên màn hình điện tử đặt ngoài trời;

c) Treo, đặt, dán, dựng sản phẩm quảng cáo của nhà tài trợ trong các hoạt động văn hoá, thể thao, hội nghị, hội thảo quá số lượng được phép theo quy định.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 1, điểm g khoản 4, điểm a khoản 5, tái phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc phải tháo dỡ sản phẩm quảng cáo đối với hành vi quy định tại các điểm b và e khoản 4, điểm c khoản 5 Điều này.

Điều 50. Vi phạm các quy định về địa điểm, vị trí quảng cáo

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng đối với mỗi áp - phích, tờ rơi, tờ gấp quảng cáo không đúng nơi quy định.

2. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với mỗi băng - rôn quảng cáo không đúng nơi quy định trong giấy phép.

3. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Quảng cáo làm ảnh hưởng đến sự trang nghiêm tại nơi làm việc của cơ quan nhà nước;

b) Quảng cáo số điện thoại, địa chỉ của người làm dịch vụ không đúng nơi quy định; viết, vẽ, quảng cáo lên tường, gốc cây, cột điện và các vật thể khác làm mất mỹ quan đô thị, cảnh quan môi trường.

4. Phạt tiền từ 1.500.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Treo, dựng, đặt, gắn băng, biển quảng cáo không đúng địa điểm, vị trí đã quy định trong giấy phép;

b) Treo, dựng, đặt, gắn bảng, biển quảng cáo trong hành lang an toàn giao thông, phạm vi bảo vệ công trình giao thông, lưới điện, công trình viễn thông, đề điều gây ảnh hưởng đến an toàn giao thông, an toàn lưới điện, công trình viễn thông, đề điều.

5. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo tại địa điểm cấm quảng cáo.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại các khoản 4 và 5 Điều này.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tháo dỡ, xóa các sản phẩm quảng cáo gây mất mỹ quan đối với hành vi quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này;

b) Cắt liên lạc điện thoại đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.

Điều 51. Vi phạm các quy định về nội dung quảng cáo

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với mỗi tranh, ảnh, áp - phích, tờ rơi, tờ gấp, dù che, xe đẩy, dây cò và những hình thức tương tự để quảng cáo hàng hoá, dịch vụ thuộc loại cấm quảng cáo.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với mỗi băng - rôn quảng cáo về kinh doanh hàng hoá, dịch vụ sinh lời mà dùng màu cờ Tổ quốc làm nền hoặc chằng ngang đường giao thông.

3. Phạt tiền từ 1.500.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Quảng cáo bằng áp-phích, tờ rơi, tờ gấp và các hình thức tương tự mà có nội dung cấm quảng cáo;

b) Kinh doanh loại hàng hoá có quảng cáo cho hàng hoá, dịch vụ cấm quảng cáo;

c) Quảng cáo không rõ ràng, không sạch đẹp, ảnh hưởng đến mỹ quan;

d) Quảng cáo dùng từ ngữ không lành mạnh.

4. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

- a) Sửa đổi làm sai lệch nội dung quảng cáo đã duyệt trong giấy phép;
- b) Quảng cáo hàng hoá chưa được phép kinh doanh, dịch vụ chưa được phép thực hiện tại thời điểm quảng cáo;
- c) Quảng cáo hàng hoá, dịch vụ thuộc loại cấm quảng cáo trên thùng hàng gắn trên xe máy, phương tiện giao thông, vật thể di động khác, trong các cuộc liên hoan, hội nghị, hội thảo, biểu diễn nghệ thuật, thời trang, giao lưu văn hoá, thi đấu thể thao;
- d) Sử dụng biểu trưng, nhãn hiệu thể hiện dưới bất kỳ hình thức nào để quảng cáo cho hàng hoá, dịch vụ thuộc loại cấm quảng cáo;
- đ) Quảng cáo rượu có độ cồn trên 15 độ;
- e) Quảng cáo có tính chất kích thích bạo lực, kinh dị.

5. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

- a) Quảng cáo trên bảng, biển quảng cáo có hình dáng, màu sắc, hình thức thể hiện tương tự các tín hiệu giao thông, biển báo công cộng;
- b) Dùng hình ảnh đồng tiền Việt Nam để quảng cáo;
- c) Quảng cáo không dùng tiếng nói, chữ viết Việt Nam trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 8 Pháp lệnh Quảng cáo.

6. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

- a) Quảng cáo sai sự thật, sai chất lượng hàng hoá đã đăng ký;
- b) Lợi dụng quảng cáo để xúc phạm danh dự, uy tín hoặc xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân;
- c) Quảng cáo có nội dung so sánh làm giảm uy tín, chất lượng hàng hoá của tổ chức, cá nhân khác;
- d) Sản xuất loại hàng hoá có quảng cáo cho hàng hoá, dịch vụ thuộc loại cấm quảng cáo;
- đ) Quảng cáo có tính chất kỳ thị dân tộc, phân biệt chủng tộc, xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo;

e) Sử dụng Quốc kỳ, Quốc ca, Quốc huy, ảnh lãnh tụ, Đảng kỳ, Quốc tế ca để quảng cáo;

g) Quảng cáo hàng hoá, dịch vụ thuộc loại cấm quảng cáo trừ các trường hợp quy định tại khoản 1, các điểm a và b khoản 3, các điểm c và d khoản 4 Điều này, điểm c khoản 4 Điều 52 Nghị định này.

7. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo làm tiết lộ bí mật nhà nước, phương hại đến độc lập, chủ quyền quốc gia, quốc phòng, an ninh và an toàn xã hội.

8. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại các khoản 1, 2 và 3, các điểm d và đ khoản 4, các điểm a và b khoản 5, các khoản 6 và 7 Điều này.

9. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc tháo dỡ sản phẩm quảng cáo vi phạm đối với hành vi quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều này.

Điều 52. Vi phạm các quy định về quảng cáo trong lĩnh vực thông tin báo chí

1. Phạt tiền từ 1.500.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Quảng cáo trên đài phát thanh, đài truyền hình vượt quá số lần, quá lượng thời gian cho phép trên một kênh trong một ngày;

b) Quảng cáo trên báo in, đài phát thanh, đài truyền hình vượt quá số ngày cho phép trong một đợt; không đủ thời gian và khoảng cách giữa các đợt;

c) Quảng cáo trên báo in vượt quá 10% diện tích cho phép;

d) Quảng cáo trên đài phát thanh, đài truyền hình không có tiếng nói, chữ viết thể hiện rõ mục thông tin quảng cáo;

đ) Quảng cáo ngay sau nhạc hiệu, hình hiệu của chương trình phát thanh, truyền hình không phải là chương trình chiếu phim, văn nghệ, thể thao, vui chơi, giải trí;

e) Quảng cáo trên báo in không có phần riêng, trang riêng hoặc không ghi rõ mục thông tin quảng cáo; không đánh số trang riêng của phụ trang, phụ bản chuyên quảng cáo; phụ trang, phụ bản không cùng khuôn khổ, không phát hành cùng báo chính; số trang của phụ trang, phụ bản chuyên quảng cáo vượt quá số trang đã được cấp phép.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Quảng cáo quá 2 lần trong chương trình phim truyện trên đài truyền hình; quảng cáo quá 4 lần trong chương trình vui chơi, giải trí trên đài phát thanh, đài truyền hình; quảng cáo một lần quá 5 phút trong chương trình phim truyện, chương trình vui chơi, giải trí trên đài phát thanh, đài truyền hình; quảng cáo quá 10 lần cho một sản phẩm trên một kênh trong một ngày của đài phát thanh, đài truyền hình;

b) Kênh, chương trình chuyên quảng cáo trên đài phát thanh, đài truyền hình đã được Bộ Văn hoá - Thông tin cho phép nhưng không thông báo rõ lượng thời gian cụ thể của chương trình quảng cáo đó cho người xem, người nghe biết ngay từ đầu chương trình;

c) Quảng cáo xen lẫn nội dung tin, bài trên báo chí;

d) Quảng cáo băng vệ sinh, bao cao su, thuốc chữa bệnh ngoài da, thuốc tẩy giun sán, dung dịch vệ sinh phụ nữ trên đài phát thanh, đài truyền hình trong khoảng thời gian từ 18 giờ đến 20 giờ hàng ngày;

đ) Quảng cáo cho một hàng hoá, dịch vụ quá 5 ngày liên tục đối với báo phát hành theo định kỳ; các đợt quảng cáo cách nhau dưới 5 ngày đối với báo hàng ngày hoặc cách nhau dưới 4 số liên tục đối với báo phát hành theo định kỳ;

e) Đưa sản phẩm quảng cáo lên mạng thông tin máy tính mà không gửi trước sản phẩm quảng cáo đến cơ quan quản lý nhà nước về quảng cáo theo quy định.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Quảng cáo trên trang nhất của báo, trên bìa 1 của tạp chí, trừ báo, tạp chí, đặc san chuyên quảng cáo; quảng cáo trong chương trình thời sự của đài truyền hình, đài phát thanh;

b) Kinh doanh dịch vụ quảng cáo trên mạng máy tính mà chưa được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Quảng cáo hàng hoá, dịch vụ thuộc loại cấm quảng cáo trên Internet;

b) Quảng cáo hoạt động kinh doanh hàng hoá, dịch vụ của một người quảng cáo hoặc một người kinh doanh dịch vụ quảng cáo vượt quá 50% thời lượng của mỗi lần quảng cáo trên đài phát thanh, đài truyền hình;

c) Quảng cáo trên báo chí, băng, biên cho hàng hoá, dịch vụ thuộc loại cấm quảng cáo.

Điều 53. Vi phạm các quy định về quảng cáo trên xuất bản phẩm

1. Phạt tiền từ 1.500.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Quảng cáo trên bì vở học sinh những sản phẩm hàng hoá không phục vụ cho việc học tập;

b) Quảng cáo cho xuất bản phẩm, phim nhựa, băng đĩa phim, băng đĩa ca nhạc, sân khấu, tác phẩm nghệ thuật chưa được phép xuất bản, chưa được phép phát hành, phổ biến hoặc công diễn.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo trên xuất bản phẩm vi phạm quy định tại các khoản 1 và 2 Điều 29 Luật Xuất bản.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo có nội dung cấm trên xuất bản phẩm.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 54. Vi phạm các quy định về quảng cáo trong lĩnh vực biểu diễn nghệ thuật, thời trang, hoạt động văn hoá, thi đấu thể dục thể thao

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Quảng cáo trong các cuộc liên hoan, hội nghị, hội thảo, biểu diễn nghệ thuật, thời trang, giao lưu văn hoá, thi đấu thể dục thể thao hoặc chương trình vui chơi, giải trí trên đài truyền hình mà trên phong có treo, dựng, đặt, gắn sản phẩm của các nhà tài trợ nhưng không có tên của chương trình đó hoặc có tên của chương trình đó nhưng treo, dựng, đặt, gắn sản phẩm quảng cáo ngang bằng hoặc cao hơn, khổ chữ lớn hơn tên của chương trình đó;

b) Quảng cáo bằng hình thức biểu diễn nghệ thuật hoặc xen trong chương trình biểu diễn nghệ thuật mà không đúng nội dung được phép hoặc không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền duyệt và cho phép;

c) Quảng cáo về biểu diễn mạo danh nghệ sĩ, đơn vị nghệ thuật chuyên nghiệp; quảng cáo giới thiệu diễn viên không đúng với danh hiệu hoặc thành tích nghệ thuật do Nhà nước hoặc cơ quan có chức năng phong tặng.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thuộc loại cấm quảng cáo trong chương trình biểu diễn nghệ thuật, thời trang, vui chơi, giải trí, thi đấu thể dục thể thao, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo hàng hoá, dịch vụ thuộc loại cấm quảng cáo trong các cuộc liên hoan, biểu diễn nghệ thuật, thời trang, giao lưu văn hoá, thi đấu thể dục thể thao có quy mô quốc gia.

Điều 55. Vi phạm các quy định về viết, đặt biển hiệu

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Treo, dựng, đặt, gắn biển hiệu không sát cổng hoặc mặt trước trụ sở của cơ quan, tổ chức, khách sạn, nhà hàng, cửa hàng, cửa hiệu có biển hiệu;

b) Không ghi đúng, không ghi đầy đủ tên gọi bằng tiếng Việt trên biển hiệu.

2. Phạt tiền từ 1.500.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Trên biển hiệu của cơ quan, tổ chức Việt Nam không viết bằng chữ Việt Nam mà chỉ viết bằng chữ nước ngoài;

b) Thể hiện trên biển hiệu tên riêng, tên viết tắt, tên giao dịch quốc tế bằng chữ nước ngoài ở phía trên tên bằng chữ Việt Nam;

c) Thể hiện trên biển hiệu tên gọi, tên viết tắt, tên giao dịch quốc tế bằng chữ nước ngoài có kích thước lớn hơn tên bằng chữ Việt Nam;

d) Biển hiệu có kèm quảng cáo.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có đăng ký kinh doanh mà không có biển hiệu.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc phải tháo dỡ biển hiệu đối với hành vi quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này;

b) Buộc phải có biển hiệu đối với hành vi quy định tại khoản 3 Điều này.

Mục 9

HÀNH VI VI PHẠM TRONG LĨNH VỰC DI SẢN VĂN HOÁ, THƯ VIỆN, CÔNG TRÌNH VĂN HOÁ, NGHỆ THUẬT, HÌNH THỨC VÀ MỨC PHẠT

Điều 56. Vi phạm các quy định về bảo vệ công trình văn hoá, nghệ thuật, bảo vệ di sản văn hoá

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng đối với hành vi làm hoen bầm di tích lịch sử, văn hoá, danh lam thắng cảnh, công trình văn hoá, nghệ thuật.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Làm ô nhiễm môi trường nơi có di tích lịch sử, văn hoá, danh lam thắng cảnh, công trình văn hoá, nghệ thuật;

b) Tuyên truyền, phổ biến, trình diễn sai lệch nội dung và giá trị di sản văn hoá phi vật thể;

c) Tuyên truyền, giới thiệu sai lệch nội dung, giá trị di tích lịch sử, văn hoá.

3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Làm hư hại hiện vật có giá trị dưới 20.000.000 đồng trong các bảo tàng, di tích lịch sử, văn hoá;

b) Không đăng ký bảo vật quốc gia với cơ quan có thẩm quyền hoặc khi thay đổi chủ sở hữu bảo vật quốc gia mà không thông báo với cơ quan có thẩm quyền theo quy định;

c) Sửa chữa, tẩy xóa bằng xếp hạng di tích lịch sử, văn hoá;

d) Làm bản sao di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia mà không có giấy phép.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Làm hư hại nhưng chưa nghiêm trọng di tích lịch sử, văn hoá, danh lam thắng cảnh, công trình văn hoá, nghệ thuật;

b) Làm thay đổi yếu tố nguyên gốc của di sản văn hoá.

5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Làm hư hại hiện vật có giá trị từ 20.000.000 đồng trở lên trong bảo tàng; làm hư hại nghiêm trọng di tích lịch sử, văn hoá, danh lam thắng cảnh, các công trình văn hoá, nghệ thuật;

b) Lấn chiếm, sử dụng trái phép di tích lịch sử, văn hoá, danh lam thắng cảnh, công trình văn hoá, nghệ thuật vào bất cứ mục đích gì;

c) Xây dựng trái phép trong các khu vực bảo vệ di tích lịch sử, văn hoá, danh lam thắng cảnh.

6. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi huỷ hoại các di tích lịch sử, văn hoá, công trình văn hoá, nghệ thuật.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc khôi phục lại trạng thái ban đầu đối với hành vi quy định tại các khoản 1 và 4, điểm c khoản 5, khoản 6 Điều này;

b) Buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép, thu hồi diện tích lấn chiếm đối với hành vi quy định tại các điểm b và c khoản 5 Điều này;

c) Buộc khắc phục tình trạng ô nhiễm đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

Điều 57. Vi phạm các quy định về khai quật khảo cổ, trùng tu, tôn tạo di tích lịch sử, văn hoá

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Khai quật khảo cổ học không đúng nội dung ghi trong giấy phép;

b) Bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hoá không đúng nội dung và thiết kế kỹ thuật đã được duyệt.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Khai quật khảo cổ học không có giấy phép; đào bới, trục vớt trái phép tại các địa điểm khảo cổ;

b) Trùng tu, tôn tạo di tích lịch sử, văn hoá mà không có văn bản đồng ý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài sưu tầm, nghiên cứu văn hoá phi vật thể ở Việt Nam mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam cho phép hoặc thực hiện không đúng nội dung được phép.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép không thời hạn đối với hành vi quy định tại các khoản 1 và 3 Điều này;

b) Tịch thu tang vật và phương tiện vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 58. Vi phạm các quy định về phát hiện, bảo vệ, khai báo và giao nộp di sản văn hóa (di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia)

1. Phạt tiền theo giá trị cụ thể của từng di sản văn hóa đối với hành vi phát hiện được di sản văn hoá mà không tự giác khai báo, cố tình chiếm đoạt như sau:

a) Phạt tiền từ 25% đến 30% đối với di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia có giá trị dưới 10.000.000 đồng;

b) Phạt tiền từ 20% đến 25% đối với di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia có giá trị từ 10.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng;

c) Phạt tiền từ 15% đến 20% đối với di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia có giá trị từ 20.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng;

d) Phạt tiền từ 10% đến 15% đối với di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng;

đ) Phạt tiền từ 7% đến 10% đối với di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia có giá trị từ 100.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

e) Phạt tiền từ 5% đến 7% đối với di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia có giá trị từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng, nhưng mức phạt tối đa không quá 30.000.000 đồng.

2. Phạt tiền 30.000.000 đồng đối với hành vi phát hiện được di sản văn hoá có giá trị từ 500.000.000 đồng trở lên mà không tự giác khai báo, cố tình chiếm đoạt.

3. Phạt tiền đối với hành vi gây hư hại di sản văn hoá do phát hiện được mà không tự giác giao nộp như sau:

a) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi làm hư hại di sản văn hoá có giá trị dưới 100.000.000 đồng;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi làm hư hại di sản văn hoá có giá trị từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng;

c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi làm hư hại di sản văn hoá có giá trị từ 300.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

d) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi làm hư hại di sản văn hoá có giá trị từ 500.000.000 đồng trở lên.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.

Điều 59. Vi phạm các quy định trong lĩnh vực thư viện

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 30.000 đồng đến 200.000 đồng đối với hành vi làm hư hại, chiếm dụng tài liệu thư viện có giá trị dưới 500.000 đồng.

2. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Làm hư hại hoặc chiếm dụng tài liệu thư viện có giá trị từ 500.000 đồng đến dưới 1.000.000 đồng;

b) Sao chụp trái phép tài liệu thư viện;

c) Sử dụng trái phép tài liệu thư viện có nội dung quy định tại Điều 5 Pháp lệnh Thư viện và các tài liệu thuộc loại sử dụng hạn chế khác;

d) Không thực hiện việc đăng ký hoạt động thư viện với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi làm hư hại hoặc chiếm dụng tài liệu thư viện có giá trị từ 1.000.000 đồng đến dưới 3.000.000 đồng.

4. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi làm hư hại nặng, huỷ hoại tài liệu có giá trị từ 3.000.000 đồng đến dưới 7.000.000 đồng.

5. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi làm hư hại nặng, huỷ hoại tài liệu có giá trị từ 7.000.000 đồng đến dưới 15.000.000 đồng.

6. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi làm hư hại nặng, huỷ hoại tài liệu có giá trị từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

7. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi làm hư hại nặng, huỷ hoại tài liệu có giá trị từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

8. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi làm hư hại nặng, huỷ hoại tài liệu có giá trị từ 50.000.000 đồng trở lên.

9. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi tàng trữ trái phép tài liệu có nội dung quy định tại khoản 1 Điều 5 Pháp lệnh Thư viện hoặc các xuất bản phẩm đã bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi.

10. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 9 Điều này.

11. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc phải trả chi phí cho việc phục hồi tài liệu đã bị hư hại đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2, các khoản 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều này;

b) Buộc phải trả lại tài liệu thư viện đã chiếm dụng đối với hành vi quy định tại khoản 1, điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Mục 10

HÀNH VI VI PHẠM TRONG LĨNH VỰC XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU SẢN PHẨM VĂN HOÁ; CÔNG BỐ, PHỔ BIẾN TÁC PHẨM RA NƯỚC NGOÀI, HÌNH THỨC VÀ MỨC PHẠT

Điều 60. Vi phạm các quy định về thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu văn hoá phẩm

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi khai man, dấu diếm văn hoá phẩm thuộc loại phải khai báo theo quy định với số lượng dưới 10 bản trong khi làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi khai man, dấu diếm văn hoá phẩm thuộc loại phải khai báo theo quy định với số lượng từ 10 bản trở lên trong khi làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này.

Điều 61. Vi phạm các quy định về giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm văn hóa

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Nhập khẩu văn hoá phẩm vượt quá số lượng ghi trong giấy phép với số lượng từ 10 bản đến dưới 30 bản;

b) Sửa chữa, tẩy xóa giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm văn hoá.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Nhập khẩu văn hoá phẩm không đúng danh mục ghi trong giấy phép với số lượng từ 10 bản đến dưới 30 bản;

b) Nhập khẩu văn hoá phẩm vượt quá số lượng ghi trong giấy phép với số lượng từ 30 bản trở lên;

c) Nhập khẩu văn hoá phẩm theo quy định phải có giấy phép mà không có giấy phép với số lượng dưới 30 bản.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Nhập khẩu văn hoá phẩm theo quy định phải có giấy phép mà không có giấy phép với số lượng từ 30 bản đến dưới 300 bản;

b) Xuất khẩu di sản văn hoá theo quy định phải có giấy phép mà không có giấy phép.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi nhập khẩu văn hoá phẩm theo quy định phải có giấy phép mà không có giấy phép với số lượng từ 300 bản trở lên.

5. Phạt tiền đối với việc nhập khẩu thiết bị in theo quy định phải có giấy phép mà không có giấy phép như sau:

a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với những vi phạm mà tang vật có giá trị dưới 500.000.000 đồng;

b) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với những vi phạm mà tang vật có giá trị từ 500.000.000 trở lên.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này.

Điều 62. Vi phạm các quy định cấm xuất khẩu, nhập khẩu đối với văn hoá phẩm

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi xuất khẩu, nhập khẩu văn hoá phẩm bao gồm cả bản thảo thuộc loại cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu với số lượng dưới 10 bản.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Xuất khẩu, nhập khẩu văn hoá phẩm bao gồm cả bản thảo thuộc loại cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu với số lượng từ 10 bản đến dưới 100 bản;

b) Sử dụng văn hoá phẩm nhập khẩu không nhằm mục đích kinh doanh có giá trị từ 5.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng để kinh doanh;

c) Chuyển đổi mục đích sử dụng văn hoá phẩm nhập khẩu mà chưa được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm thuộc loại cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu với số lượng từ 100 bản trở lên;

b) Sử dụng văn hóa phẩm nhập khẩu không nhằm mục đích kinh doanh để kinh doanh có giá trị từ 20.000.000 đồng trở lên.

4. Phạt tiền đối với việc xuất khẩu di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia mà không được phép như sau:

a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với vi phạm mà tang vật có giá trị dưới 10.000.000 đồng;

b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với vi phạm mà tang vật có giá trị từ 10.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng;

c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với vi phạm mà tang vật có giá trị từ 20.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng;

d) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với vi phạm mà tang vật có giá trị từ 50.000.000 đồng trở lên.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc phải tái xuất hoặc tiêu hủy tang vật vi phạm trong trường hợp không tịch thu đối với hành vi quy định tại các khoản 1 và 2, điểm a khoản 3 Điều này.

Điều 63. Vi phạm các quy định về công bố, phổ biến tác phẩm ra nước ngoài

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Công bố, phổ biến tác phẩm nhiếp ảnh ra nước ngoài mà không có giấy phép;

b) Công bố, phổ biến tác phẩm mỹ thuật ra nước ngoài mà không có giấy phép.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Công bố, phổ biến tác phẩm báo chí ra nước ngoài mà không có giấy phép;

b) Công bố, phổ biến tác phẩm sân khấu ra nước ngoài mà không có giấy phép;

c) Công bố, phổ biến tác phẩm âm nhạc ra nước ngoài mà không có giấy phép;

d) Cung cấp cho báo chí nước ngoài thông tin thuộc loại cấm công bố, phổ biến ra nước ngoài.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Công bố, phổ biến tác phẩm xuất bản ra nước ngoài mà không có giấy phép;

b) Công bố, phổ biến tác phẩm điện ảnh ra nước ngoài mà không có giấy phép.

4. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Công bố, phổ biến ra nước ngoài tác phẩm nhiếp ảnh thuộc loại cấm công bố, phổ biến;

b) Công bố, phổ biến ra nước ngoài tác phẩm mỹ thuật thuộc loại cấm công bố, phổ biến.

5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Công bố, phổ biến ra nước ngoài tác phẩm báo chí thuộc loại cấm công bố, phổ biến;

b) Công bố, phổ biến ra nước ngoài tác phẩm âm nhạc thuộc loại cấm công bố, phổ biến;

c) Công bố, phổ biến ra nước ngoài tác phẩm sân khấu thuộc loại cấm công bố, phổ biến.

6. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Công bố, phổ biến ra nước ngoài tác phẩm xuất bản thuộc loại cấm công bố, phổ biến;

b) Công bố, phổ biến ra nước ngoài tác phẩm điện ảnh thuộc loại cấm công bố, phổ biến.

Chương III

THẨM QUYỀN, THỦ TỤC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA - THÔNG TIN

Điều 64. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền xử phạt theo quy định tại Điều 30 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hoá - thông tin được quy định tại Nghị định này thuộc địa bàn quản lý của địa phương.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền xử phạt theo quy định tại Điều 29 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hoá - thông tin được quy định tại Nghị định này thuộc địa bàn quản lý của địa phương.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền xử phạt theo quy định tại Điều 28 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hoá - thông tin được quy định tại Nghị định này thuộc địa bàn quản lý của địa phương.

Điều 65. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan thanh tra chuyên ngành

1. Thanh tra viên chuyên ngành văn hóa - thông tin đang thi hành công vụ có quyền xử phạt theo quy định tại Điều 38 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực văn hóa - thông tin được quy định tại Nghị định này.

2. Chánh thanh tra chuyên ngành văn hóa - thông tin các cấp có quyền xử phạt theo thẩm quyền quy định tại Điều 38 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực văn hóa - thông tin được quy định tại Nghị định này.

3. Thanh tra viên, Chánh thanh tra chuyên ngành các cấp của các ngành có liên quan đến lĩnh vực văn hóa - thông tin có quyền xử phạt theo thẩm quyền quy định tại Điều 38 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực văn hóa - thông tin được quy định tại Nghị định này thuộc phạm vi quản lý nhà nước của ngành mình.

Điều 66. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Bộ đội biên phòng, Hải quan

Lực lượng Bộ đội biên phòng, Hải quan có quyền xử phạt theo thẩm quyền quy định tại các Điều 32 và 34 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm về xuất khẩu, nhập khẩu các sản phẩm văn hoá được quy định tại Nghị định này.

Điều 67. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Cảnh sát nhân dân

Lực lượng Cảnh sát nhân dân có quyền xử phạt theo thẩm quyền quy định tại Điều 31 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hoá - thông tin có liên quan đến trật tự, an toàn xã hội thuộc thẩm quyền quản lý được quy định tại Nghị định này.

Điều 68. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan Quản lý thị trường

Lực lượng Quản lý thị trường có quyền xử phạt theo thẩm quyền quy định tại Điều 37 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm về kinh doanh dịch vụ các sản phẩm văn hoá - thông tin được quy định tại Nghị định này.

Điều 69. Thủ tục xử phạt

Thủ tục xử phạt những hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa - thông tin được áp dụng theo các quy định tại Chương VI Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và Chương IV Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 70. Thu, nộp tiền phạt

Tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hoá - thông tin mà bị phạt tiền thì phải nộp tiền tại địa điểm theo quy định của pháp luật. Thủ tục thu, nộp tiền phạt thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 71. Thủ tục tịch thu và xử lý tang vật, phương tiện vi phạm

1. Khi áp dụng hình thức tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hoá - thông tin, người có thẩm quyền xử phạt phải thực hiện đúng thủ tục quy định tại Điều 60 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

2. Người ra quyết định tịch thu có trách nhiệm tổ chức bảo quản tang vật, phương tiện bị tịch thu. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm, người ra quyết định tịch thu phải chuyển giao quyết định xử phạt, biên bản tịch thu và toàn bộ tang vật, phương tiện bị tịch thu cho cơ quan có thẩm quyền để tổ chức bán đấu giá theo quy định tại Điều 61 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính, trừ đối với băng đĩa và các sản phẩm văn hoá đã có nội dung.

3. Đối với tang vật là di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia, người ra quyết định phải báo cáo Bộ Văn hoá - Thông tin để Bộ trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin giao cho cơ quan thích hợp quản lý, sử dụng.

Trong mọi trường hợp chuyển giao tang vật sang sở hữu nhà nước, thủ tục chuyển giao và quản lý tang vật thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

4. Tiền thu được từ bán tang vật, phương tiện bị tịch thu, sau khi trừ các chi phí theo quy định của pháp luật, phải nộp vào ngân sách nhà nước.

Điều 72. Thủ tục tước quyền sử dụng giấy phép

Thủ tục tước quyền sử dụng các loại giấy phép trong lĩnh vực văn hóa - thông tin thực hiện theo quy định tại Điều 59 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 73. Thủ tục tiêu hủy văn hoá phẩm độc hại

1. Đối với văn hoá phẩm bị tịch thu và cơ quan nhà nước có thẩm quyền về văn hoá - thông tin quyết định tiêu hủy thì phải thành lập Hội đồng xử lý để tiêu hủy. Thành phần Hội đồng xử lý bao gồm đại diện cơ quan quản lý nhà nước về văn hoá - thông tin, cơ quan công an, tài chính và các cơ quan có liên quan cùng cấp.

2. Khi tiến hành tiêu huỷ văn hoá phẩm, cơ quan có trách nhiệm phải lập biên bản tiêu huỷ. Biên bản phải có chữ ký xác nhận của các thành viên Hội đồng xử lý. Trong trường hợp cần thiết có thể mời đại diện các cơ quan, tổ chức hữu quan chứng kiến việc tiêu huỷ.

3. Bộ Văn hoá - Thông tin hướng dẫn cụ thể thủ tục tiêu huỷ các loại văn hoá phẩm cần phải tiêu huỷ theo quy định tại Nghị định này.

Chương IV

KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 74. Khiếu nại, tố cáo

1. Công dân có quyền tố cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về những vi phạm hành chính của tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực văn hoá - thông tin quy định tại Nghị định này hoặc tố cáo những vi phạm của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hoá - thông tin theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc người đại diện hợp pháp của họ có quyền khiếu nại quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật khiếu nại, tố cáo.

3. Việc khởi kiện hành chính đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính thực hiện theo quy định tại Điều 119 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

4. Trình tự, thủ tục khiếu nại, tố cáo và thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo về vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hoá - thông tin được áp dụng theo quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo ngày 02 tháng 12 năm 1998 và các quy định về khiếu nại, tố cáo khác có liên quan.

Điều 75. Xử lý vi phạm đối với người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hoá - thông tin

1. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hoá - thông tin mà sách nhiễu, dung túng, bao che vi phạm, không xử lý hoặc xử lý không kịp thời, không đúng mức, không đúng thẩm quyền hoặc vượt quá thẩm quyền quy định, thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hoá- thông tin có hành vi chiếm đoạt, sử dụng trái phép tiền, tang vật, phương tiện vi phạm bị tịch thu thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật dân sự.

Chương V **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 76. Hiệu lực của Nghị định

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2006; bãi bỏ Nghị định số 31/2001/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2001 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hoá - thông tin.

2. Những quy định của Chính phủ và các quy định tại các văn bản khác về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hoá - thông tin trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 77. Trách nhiệm thi hành Nghị định

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG
Phan Văn Khải - đã ký

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Học viện Hành chính quốc gia;
- VPCP: BTCN, TBNC, các PCN, BNC, Website Chính phủ, Ban Điều hành 112, Ngõ phát ngôn của Thủ tướng Chính phủ, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;

- Lu: Văn th, VX (5b).^{xh}